

Số: 11 /TB-HĐKT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

## THÔNG BÁO

Danh sách người tập sự đủ điều kiện và không đủ điều kiện tham dự  
Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1 năm 2026

Kính gửi: Đoàn Luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Luật Luật sư, Thông tư số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư, Quyết định số 52/QĐ-LĐLSVN ngày 11/02/2026, Quyết định số 58/QĐ-LĐLSVN ngày 10/3/2026 của Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội đồng kiểm tra thông báo đến các Đoàn Luật sư danh sách người tập sự đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1 năm 2026 như sau:

### 1. Kết quả xét duyệt hồ sơ đăng ký tham dự Kỳ kiểm tra

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra của người tập sự, căn cứ vào các quy định của pháp luật và quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội đồng kiểm tra quyết định thông qua danh sách người tập sự đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự Kỳ kiểm tra đợt 1 năm 2026 như sau:

#### 1.1. Khu vực phía Bắc

- Danh sách người tập sự đủ điều kiện tham dự kiểm tra: **918** người tập sự (Phụ lục 1);

- Danh sách người tập sự không đủ điều kiện tham dự kiểm tra: **08** người tập sự (Phụ lục 2);

#### 1.2. Khu vực phía Nam

- Danh sách người tập sự đủ điều kiện tham dự kiểm tra: **1.268** người tập sự (Phụ lục 3);

- Danh sách người tập sự không đủ điều kiện tham dự kiểm tra: **04** người tập sự (Phụ lục 4);

1.3. Đồng ý cho **20** thí sinh khu vực phía Bắc có đơn xin chuyển vào TP. Hồ Chí Minh tham dự kiểm tra và **06** thí sinh khu vực phía Nam có đơn xin chuyển ra TP. Hà Nội tham dự kiểm tra theo nguyện vọng.

### 2. Địa điểm tổ chức kiểm tra

#### 2.1. Khu vực phía Bắc

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 135 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

## **2.2. Khu vực phía Nam**

Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, số 324 đường Chu Văn An, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

## **3. Thời gian tổ chức kiểm tra và thông báo số báo danh**

### **3.1. Thời gian kiểm tra**

Kỳ kiểm tra được tổ chức vào ngày **05, 06, 07/6/2026**, cụ thể như sau:

- Khai mạc và phổ biến Nội quy Kỳ kiểm tra: Ngày 05 tháng 6 năm 2026;
- Bài kiểm tra viết thứ nhất về các kỹ năng tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng và thực hiện dịch vụ pháp lý khác, thời gian kiểm tra là 180 phút, buổi sáng ngày 06 tháng 6 năm 2026 (bắt đầu từ 6h50');
- Bài kiểm tra viết thứ hai về pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, thời gian kiểm tra là 90 phút, buổi chiều ngày 06 tháng 6 năm 2026 (bắt đầu từ 13h30');
- Kiểm tra thực hành (vấn đáp): Thí sinh trình bày, bảo vệ quan điểm, trả lời các câu hỏi của giám khảo về một vụ việc tự chọn mà mình đã tham gia theo phân công của luật sư hướng dẫn trong thời gian tập sự, thời gian kiểm tra vào ngày 07 tháng 6 năm 2026 (buổi sáng bắt đầu từ 7h00', buổi chiều từ 13h30').

### **3.2. Số báo danh, sơ đồ phòng kiểm tra, Nội quy Kỳ kiểm tra**

Số báo danh của thí sinh, sơ đồ phòng kiểm tra, Nội quy Kỳ kiểm tra sẽ được Hội đồng kiểm tra gửi về Đoàn Luật sư, thông báo trên Website của Liên đoàn Luật sư Việt Nam ([www.liendoanluatsu.org.vn](http://www.liendoanluatsu.org.vn)) trước ngày 28 tháng 5 năm 2026 và dán tại sảnh Hội trường khai mạc, cửa phòng kiểm tra vào ngày 05, 06 và 07/6/2026.

Thí sinh có trách nhiệm theo dõi để biết số báo danh và phòng kiểm tra của mình, nghiên cứu Nội quy Kỳ kiểm tra, tham dự Kỳ kiểm tra (gồm Lễ khai mạc và các môn kiểm tra), chấp hành nghiêm Nội quy Kỳ kiểm tra.

## **4. Thời gian và địa điểm tổ chức Lễ khai mạc Kỳ kiểm tra**

### **4.1. Khu vực phía Bắc**

- Thời gian tổ chức Lễ khai mạc: Từ 15h30' ngày 05 tháng 6 năm 2026.
- Địa điểm: Hội trường lớn, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 135 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội.

### **4.2. Khu vực phía Nam**

- Thời gian tổ chức Lễ khai mạc: Từ 7h30' ngày 05 tháng 6 năm 2026.

- Địa điểm: Hội trường A, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, số 324 đường Chu Văn An, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

## 5. Nộp phí tham dự Kỳ kiểm tra

**5.1. Phí tham dự kiểm tra:** 2.100.000 đồng/thí sinh (Hai triệu một trăm nghìn đồng mỗi thí sinh).

### 5.2. Phương thức nộp phí tham dự kiểm tra

a) Khu vực phía Bắc (tính từ TP. Huế trở ra)

Nộp tiền qua tài khoản của Liên đoàn Luật sư Việt Nam:

+ Thời gian: Từ ngày 04/5/2026 đến hết ngày 02/6/2026

+ Đơn vị thụ hưởng: Liên đoàn Luật sư Việt Nam

+ Số tài khoản: **2600162145**

+ Tại ngân hàng: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Mỹ Đình.

+ Nội dung nộp tiền: “*Họ tên ..... ngày sinh ..... nộp tiền tham dự Kỳ kiểm tra KQTSHNLS đợt 1 năm 2026 KV phía Bắc*”.

+ Mã QR tài khoản:



b) Khu vực phía Nam (tính từ TP. Đà Nẵng trở vào)

Nộp tiền qua tài khoản của Liên đoàn Luật sư Việt Nam:

+ Thời gian: Từ ngày 04/5/2026 đến hết ngày 02/6/2026

+ Đơn vị thụ hưởng: Liên đoàn Luật sư Việt Nam

+ Số tài khoản: **2600162145**

+ Tại ngân hàng: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Mỹ Đình.

+ Nội dung: “*Họ tên..... ngày sinh..... nộp tiền tham dự Kỳ kiểm tra KQTSHNLS đợt 1 năm 2026 KV phía Nam*”.

+ Mã QR tài khoản:



## 6. Hồ sơ kiểm tra thực hành

Tất cả thí sinh đủ điều kiện tham dự Kỳ kiểm tra (*bao gồm cả thí sinh thi lần đầu và thí sinh thi lại*) chuẩn bị hồ sơ kiểm tra thực hành gồm **04** bộ được đóng quyển, trong đó **03** bộ nộp về Đoàn Luật sư nơi tập sự và **01** bộ thí sinh sử dụng khi kiểm tra thực hành.

Hình thức, nội dung và các quy định khác liên quan đến hồ sơ kiểm tra thực hành được thực hiện theo Thông báo số 01/TB-HĐKT ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1 năm 2026.

Đoàn Luật sư tập hợp hồ sơ kiểm tra thực hành của những thí sinh đủ điều kiện tham dự Kỳ kiểm tra và gửi về Hội đồng kiểm tra **trước ngày 22 tháng 5 năm 2026** theo địa chỉ:

- Khu vực phía Bắc: Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Tầng 1-2, Tòa nhà CT13B Khu đô thị Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công, Phú Thượng, Hà Nội.

- Khu vực phía Nam: Văn phòng Liên đoàn Luật sư Việt Nam cơ sở 2, số 7 Cù Lao, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh.

## 7. Đối với thí sinh có đơn chuyển địa điểm tham dự kiểm tra

Thí sinh khu vực phía Bắc có đơn chuyển vào tham dự kiểm tra tại TP. Hồ Chí Minh nộp hồ sơ kiểm tra thực hành theo địa chỉ: Văn phòng Liên đoàn Luật sư Việt Nam cơ sở 2, số 7 Cù Lao, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh.

Thí sinh khu vực phía Nam có đơn xin chuyển ra tham dự kiểm tra tại TP. Hà Nội nộp hồ sơ kiểm tra thực hành theo địa chỉ: Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Tầng 1-2, Tòa nhà CT13B Khu đô thị Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công, Phú Thượng, Hà Nội.

## 8. Một số vấn đề khác

Khi tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, thí sinh cần tuân thủ các quy định sau:

+ Mặc trang phục lịch sự;

+ Xuất trình Căn cước/Căn cước công dân theo yêu cầu của Hội đồng kiểm tra.

Hội đồng kiểm tra đề nghị Ban Chủ nhiệm các Đoàn Luật sư địa phương có thí sinh đăng ký tham dự Kỳ kiểm tra đợt 1 năm 2026 thực hiện việc thông báo cho người tập sự thuộc Đoàn Luật sư của mình biết tất cả thông tin về Kỳ kiểm tra tại Thông báo này.

Mọi thông tin liên quan đến Kỳ kiểm tra được thông báo trên website: [www.liendoanluatsu.org.vn](http://www.liendoanluatsu.org.vn).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (đề b/c);
- Cục Hỗ trợ Tư pháp - BTP;
- Thành viên Hội đồng kiểm tra (để biết);
- Lưu: VT.



**★ LS.TS Đỗ Ngọc Thịnh**  
**CHỦ TỊCH**  
**LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM**



LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ  
ĐỢT 1 NĂM 2026

Phụ lục 1



DANH SÁCH NGƯỜI TẬP SỰ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ  
KY KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ  
ĐỢT 1 NĂM 2026 KHU VỰC PHÍA BẮC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 11/TB-HĐKT ngày 28 tháng 4 năm 2026  
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1 năm 2026)

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1	Đinh Thị Thúy	An	22/11/2000	Ninh Bình	
2	Trương Thị Thùy	An	24/04/1991	TP. Hà Nội	
3	Trần Trọng	An	17/10/2000	TP. Hà Nội	
4	Trần Ngọc Hoàng	An	08/12/1996	TP. Hà Nội	
5	Trương Quốc	Ân	07/10/1987	TP. Hà Nội	
6	Vũ Xuân	Ân	02/10/1990	TP. Hà Nội	
7	Nguyễn Thị Minh	Anh	29/01/1998	Tuyên Quang	
8	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/01/2000	Ninh Bình	
9	Nguyễn Phương	Anh	30/11/2000	Thanh Hóa	
10	Nguyễn Tuấn	Anh	24/11/2000	Thanh Hóa	
11	Trần Thị Vân	Anh	05/11/1998	Hà Tĩnh	
12	Nguyễn Nguyệt	Anh	06/7/2001	Thái Nguyên	
13	Văn Hoàng	Anh	17/12/1988	TP. Hà Nội	
14	Nguyễn Trọng Tùng	Anh	11/8/1997	Nghệ An	
15	Vũ Thị Phương	Anh	29/01/1995	TP. Hà Nội	
16	Nguyễn Hoàng	Anh	28/03/1998	TP. Hà Nội	
17	Vũ Thế	Anh	06/10/1987	TP. Hà Nội	
18	Ngô Thị Minh	Anh	12/02/2000	TP. Hà Nội	
19	Nguyễn Ngọc	Anh	12/11/1995	TP. Hà Nội	
20	Ngô Tôn Phương	Anh	13/04/1997	TP. Hà Nội	
21	Trần Thị Ngọc	Anh	23/04/1994	TP. Hà Nội	
22	Phạm Duy	Anh	12/08/1997	TP. Hà Nội	
23	Phùng Tiến	Anh	04/08/1996	TP. Hà Nội	
24	Ngô Phương	Anh	19/10/1998	TP. Hà Nội	
25	Nguyễn Kiều Mai	Anh	03/07/2000	TP. Hà Nội	
26	Vũ Đức	Anh	09/08/1993	TP. Hà Nội	
27	Hoàng Ngọc	Anh	21/12/1989	TP. Hà Nội	
28	Đào Bảo	Anh	05/09/2000	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
29	Hà Kiều	Anh	23/12/1993	TP. Hà Nội	
30	Nguyễn Thị Hoài	Anh	08/06/2001	TP. Hà Nội	
31	Phạm Tuấn	Anh	13/04/2001	TP. Hà Nội	
32	Nguyễn Chu Hoài	Anh	11/11/2001	TP. Hà Nội	
33	Nguyễn Tú	Anh	23/07/1993	TP. Hà Nội	
34	Hoàng Mai	Anh	19/10/1999	TP. Hà Nội	
35	Dương Thị Hà	Anh	03/06/2000	TP. Hà Nội	
36	Đào Thị Lâm	Anh	08/02/1993	TP. Hà Nội	
37	Quân Ngọc	Anh	28/03/1964	TP. Hà Nội	
38	Phạm Thị Phương	Anh	10/06/1998	TP. Hà Nội	
39	Nguyễn Xuân Việt	Anh	20/10/1983	TP. Hà Nội	
40	Đoàn Thị Huệ	Anh	26/03/1997	TP. Hà Nội	
41	Lê Diệu	Anh	13/07/2001	TP. Hà Nội	
42	Trịnh Thị Vân	Anh	16/03/1989	TP. Hà Nội	
43	Nguyễn Thị Hồng	Anh	12/12/2000	TP. Hà Nội	
44	Nguyễn Mai	Anh	04/12/2001	TP. Hà Nội	
45	Đào Mỹ	Anh	13/03/2001	TP. Hà Nội	
46	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/03/1999	TP. Hà Nội	
47	Nguyễn Lan	Anh	07/09/1999	TP. Hà Nội	
48	Đỗ Vân	Anh	12/04/1999	TP. Hà Nội	
49	Lê Quỳnh	Anh	24/06/1996	TP. Hà Nội	
50	Hà Thị Vân	Anh	01/05/1985	TP. Hà Nội	
51	Dương Thị Hải	Anh	03/01/1994	TP. Hà Nội	
52	Chu Thị Phương	Anh	24/09/2000	TP. Hà Nội	
53	Đường Việt	Anh	13/01/1998	TP. Hà Nội	
54	Nguyễn Thị Minh	Anh	30/11/2001	TP. Hà Nội	
55	Hoàng Minh	Anh	20/12/2000	TP. Hà Nội	
56	Nguyễn Ngọc	Anh	30/05/1999	TP. Hà Nội	
57	Đỗ Ngọc	Anh	25/11/1997	TP. Hà Nội	
58	Bùi Minh	Anh	27/09/2001	TP. Hà Nội	
59	Nguyễn Hồng	Ánh	02/3/2000	Bắc Ninh	
60	Nguyễn Thị	Ánh	26/11/1998	TP. Hà Nội	
61	Lê Thị	Ánh	28/01/1998	TP. Hà Nội	
62	Vũ Thị Hồng	Ánh	22/12/1999	TP. Hà Nội	
63	Nguyễn Ngọc	Ánh	14/01/1996	TP. Hà Nội	
64	Nghiêm Ngọc	Ánh	08/03/1997	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
65	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	19/06/1981	TP. Hà Nội	
66	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/07/1996	TP. Hà Nội	
67	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/04/1993	TP. Hà Nội	
68	Đông Thị Ngọc	Ánh	30/08/2000	TP. Hà Nội	
69	Lê Ngọc	Ánh	07/12/2001	TP. Hà Nội	
70	Nguyễn Văn Việt	Bắc	21/08/1998	TP. Hà Nội	
71	Lý Việt	Bằng	02/3/1993	Nghệ An	
72	Nguyễn Văn	Bằng	23/01/1998	TP. Hà Nội	
73	Nguyễn Văn	Bằng	02/10/1978	TP. Hà Nội	
74	Vũ	Bảo	12/3/1977	TP. Hải Phòng	
75	Lưu Vũ Tuấn	Bảo	24/11/1999	TP. Hà Nội	
76	Đoàn Hạnh	Bích	13/08/1986	TP. Hà Nội	
77	Lê Thị Ngọc	Bích	10/02/1997	TP. Hà Nội	
78	Nguyễn Văn	Biên	02/04/1981	TP. Hà Nội	
79	Trần Thị	Cầm	06/05/1999	TP. Hà Nội	
80	Hồ Xuân	Cảnh	16/06/2000	TP. Hà Nội	
81	Nguyễn Đức	Cảnh	27/04/2000	TP. Hà Nội	
82	Trần Văn	Cảnh	10/01/1976	TP. Hà Nội	
83	Hoàng Thu	Chang	13/10/1992	TP. Hà Nội	
84	Phạm Trần Minh	Châu	04/10/1989	TP. Hà Nội	
85	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	13/03/2000	TP. Hà Nội	
86	Hà Quang	Châu	22/09/1995	TP. Hà Nội	
87	Diệp Thị Thúy	Chi	10/8/1973	Quảng Trị	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
88	Đình Thị Lan	Chi	05/03/1996	TP. Hà Nội	
89	Nguyễn Sỹ	Chiến	20/8/1992	TP. Hải Phòng	
90	Trương Quang	Chiến	26/09/1972	TP. Hà Nội	
91	Ngô Văn	Chiến	23/11/1971	TP. Hà Nội	
92	Nguyễn Văn	Chinh	03/12/1989	TP. Hà Nội	
93	Vũ Thị	Chinh	01/05/2000	TP. Hà Nội	
94	Hoàng Bá	Chủ	06/09/1989	TP. Hà Nội	
95	Hà Minh	Chung	05/05/2000	TP. Hà Nội	
96	Hoàng Văn	Chuyên	04/08/1993	TP. Hà Nội	
97	Nguyễn Thị	Chuyện	23/01/1993	Bắc Ninh	
98	Ngô Thượng	Công	06/6/1982	TP. Hà Nội	
99	Lê Thành	Công	27/09/1975	TP. Hà Nội	
100	Đình Văn	Công	10/02/2001	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
101	Hoàng Thị	Cúc	28/01/1998	Nghệ An	
102	Doãn Thị Thu	Cúc	31/01/1978	TP. Hà Nội	
103	Phạm Thị	Cúc	17/05/1997	TP. Hà Nội	
104	Trần Ngọc	Cường	22/6/1978	Thanh Hóa	
105	Diệp Văn	Cường	24/02/1987	Quảng Trị	
106	Nguyễn Mạnh	Cường	09/02/1997	TP. Hà Nội	
107	Nguyễn Mạnh	Cường	24/9/1989	Quảng Trị	
108	Lê Đình	Cường	23/09/1992	TP. Hà Nội	
109	Vũ Đặng Việt	Cường	14/12/1982	TP. Hà Nội	
110	Nguyễn Thanh	Cường	03/10/1986	TP. Hà Nội	
111	Đàm Ích	Cường	12/07/1998	TP. Hà Nội	
112	Mậu Xuân	Cường	17/02/1985	TP. Hà Nội	
113	Trần Danh	Cường	25/02/1983	TP. Hà Nội	
114	Nguyễn Việt	Cường	28/12/1980	TP. Hà Nội	
115	Nguyễn Đôn	Cường	02/01/1978	TP. Hà Nội	
116	Chu Đức	Cường	12/10/1999	TP. Hà Nội	
117	Nguyễn Kiên	Cường	07/06/2001	TP. Hà Nội	
118	Phạm Quang	Đại	14/09/1999	TP. Hà Nội	
119	Phạm Quang	Đại	29/10/1971	TP. Hà Nội	
120	Lê Bá	Đáng	01/04/1979	TP. Hà Nội	
121	Đường Ngọc	Đáng	12/09/1999	TP. Hà Nội	
122	Nguyễn Thị	Đào	08/05/1990	TP. Hà Nội	
123	Lê Tuấn	Đạt	09/03/1983	TP. Hà Nội	
124	Nguyễn Tiến	Đạt	23/07/1996	TP. Hà Nội	
125	Nguyễn Tấn	Đạt	17/12/1970	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
126	Nguyễn Tiến	Đạt	26/01/1996	TP. Hà Nội	
127	Nguyễn Thành	Đạt	13/04/2001	TP. Hà Nội	
128	Lê Tuấn	Đạt	13/02/2001	TP. Hà Nội	
129	Phạm Tiến	Đạt	11/09/1989	TP. Hà Nội	
130	Nguyễn Bá	Đến	16/11/1982	TP. Hà Nội	
131	Nguyễn Thị	Diễm	05/01/1993	Bắc Ninh	
132	Hoàng Thu	Diễm	20/10/2000	TP. Hà Nội	
133	Trịnh Văn	Diên	05/10/1977	TP. Hà Nội	
134	Trương Thị	Diệu	31/07/2000	TP. Hà Nội	
135	Lương Quốc	Đình	08/9/1997	TP. Hải Phòng	
136	Lường Thị	Đình	10/10/1990	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
137	Tổng Văn	Định	17/09/1988	TP. Hà Nội	
138	Trần Tiến	Định	02/11/2000	TP. Hà Nội	
139	Nguyễn Thị	Dị	15/12/1986	TP. Hải Phòng	
140	Hoàng Hữu	Đô	09/01/1998	TP. Hà Nội	
141	Nguyễn Mạnh	Đoàn	25/01/1993	TP. Hà Nội	
142	Lương Quốc	Doanh	12/06/1984	TP. Hà Nội	
143	Bùi Văn	Don	17/01/1983	TP. Hà Nội	
144	Lê Quốc	Đôn	14/06/2000	TP. Hà Nội	
145	Đỗ Văn	Đông	15/06/1992	TP. Hà Nội	
146	Nguyễn Thị	Đông	11/01/1992	TP. Hà Nội	
147	Trịnh Việt	Đông	12/02/1979	TP. Hà Nội	
148	Nguyễn Thành	Đông	29/07/1986	TP. Hà Nội	
149	Vương Quang	Đồng	28/12/1999	TP. Hà Nội	
150	Nguyễn Đại	Đồng	04/02/1980	TP. Hà Nội	
151	Ngô Đại	Đồng	02/05/2000	TP. Hà Nội	
152	Phan Kim	Du	05/09/1999	TP. Hà Nội	
153	Tạ Huy	Du	20/08/2000	TP. Hà Nội	
154	Nguyễn Văn	Dự	10/01/1979	TP. Hà Nội	
155	Nguyễn Anh	Đức	04/6/2000	Nghệ An	
156	Đặng Quốc	Đức	02/10/1996	Hà Tĩnh	
157	Nguyễn Anh	Đức	04/6/2000	Nghệ An	
158	Trần	Đức	07/05/1999	TP. Hà Nội	
159	Dương Đình	Đức	10/11/1992	TP. Hà Nội	
160	Đỗ Duy	Đức	21/10/1994	TP. Hà Nội	
161	Vũ Thị	Đức	10/10/1993	TP. Hà Nội	
162	Phạm Hoàng Anh	Đức	26/08/2001	TP. Hà Nội	
163	Trương Vũ Công	Đức	04/09/2000	TP. Hà Nội	
164	Đàm Minh	Đức	09/08/2000	TP. Hà Nội	
165	Trần Thị	Dung	06/10/1992	Sơn La	
166	Nguyễn Thị Thùy	Dung	29/10/1994	TP. Hà Nội	
167	Trần Thị Phương	Dung	21/03/2000	TP. Hà Nội	
168	Phan Ngọc	Dung	01/06/1992	TP. Hà Nội	
169	Không Thủy	Dung	03/08/2000	TP. Hà Nội	
170	Đinh Thị	Dung	13/12/2001	TP. Hà Nội	
171	Cao Thị Thùy	Dung	10/09/1999	TP. Hà Nội	
172	Đỗ Thị Phương	Dung	10/07/1993	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
173	Nguyễn Thị Thuý	Dung	08/01/1993	TP. Hà Nội	
174	Hoàng Anh	Dũng	02/4/1999	Phú Thọ	
175	Trần Trung	Dũng	07/9/1998	TP. Hà Nội	
176	Lại Trí	Dũng	18/5/1985	Hưng Yên	
177	Đầu Anh	Dũng	24/08/1983	TP. Hà Nội	
178	Trần Trung	Dũng	14/02/1972	TP. Hà Nội	
179	Nguyễn Tài	Dũng	15/11/1964	TP. Hà Nội	
180	Trương Văn	Dũng	30/04/1985	TP. Hà Nội	
181	Trương Tấn	Dũng	04/09/2001	TP. Hà Nội	
182	Đặng Anh	Dũng	08/07/1999	TP. Hà Nội	
183	Nguyễn Hoàng	Dũng	18/02/2001	TP. Hà Nội	
184	Nguyễn Thị Thùy	Dương	22/6/2001	Bắc Ninh	
185	Nguyễn Khắc Sơn	Dương	06/12/1997	Bắc Ninh	
186	Vũ Tùng	Dương	26/11/1997	Phú Thọ	
187	Nguyễn Huy	Dương	12/01/1977	TP. Hà Nội	
188	Bùi Văn	Dương	03/10/1959	TP. Hà Nội	
189	Ngô Triều	Dương	03/11/1975	TP. Hà Nội	
190	Bùi Thị Thùy	Dương	22/09/1996	TP. Hà Nội	
191	Đỗ Văn	Dương	10/05/1983	TP. Hà Nội	
192	Trịnh Ngọc	Dương	01/05/1986	TP. Hà Nội	
193	Đào Ngọc	Dương	18/11/1986	TP. Hà Nội	
194	Phạm Cảnh	Dương	20/12/1982	TP. Hà Nội	
195	Đỗ Hoàng Thái	Dương	17/06/1993	TP. Hà Nội	
196	Tạ Ngọc	Duy	04/12/1982	TP. Hà Nội	
197	Đoàn Xuân	Duy	24/02/1996	TP. Hà Nội	
198	Nguyễn Khương	Duy	13/01/1991	TP. Hà Nội	
199	Đình Khánh	Duy	29/12/2000	TP. Hà Nội	
200	Nguyễn Mạnh	Duy	25/09/1997	TP. Hà Nội	
201	Nguyễn Hoàng Đức	Duy	16/08/2000	TP. Hà Nội	
202	Bùi Ngọc	Duyên	25/4/2001	TP. Hải Phòng	
203	Đình Nguyễn Hoàng	Duyên	21/7/2000	TP. Hà Nội	
204	Phan Thị	Gái	14/8/2000	Nghệ An	
205	Nguyễn Trường	Giang	18/12/1991	TP. Hà Nội	
206	Trần Hoài	Giang	04/8/1979	TP. Huế	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
207	Dương Ngô	Giang	13/11/1983	TP. Hà Nội	
208	Nguyễn Hương	Giang	24/11/1999	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
209	Phan Thị	Giang	20/07/1999	TP. Hà Nội	
210	Nguyễn Thu	Giang	31/08/1995	TP. Hà Nội	
211	Lê Thị Hương	Giang	28/09/2000	TP. Hà Nội	
212	Nguyễn Thị Hương	Giang	06/07/1998	TP. Hà Nội	
213	Nguyễn Thị Hương	Giang	26/01/1994	TP. Hà Nội	
214	Nguyễn Trường	Giang	20/05/1998	TP. Hà Nội	
215	Nguyễn Thị Kim	Hà	14/11/1998	Nghệ An	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
216	Nguyễn Sơn	Hà	24/3/1975	TP. Hải Phòng	
217	Đỗ Ngọc	Hà	21/6/1987	TP. Hà Nội	
218	Trần Song	Hà	27/04/1974	TP. Hà Nội	
219	Lê Việt	Hà	26/10/1994	TP. Hà Nội	
220	Dương Thái	Hà	05/11/1982	TP. Hà Nội	
221	Kiều Việt	Hà	28/10/1982	TP. Hà Nội	
222	Vũ Duy	Hà	26/12/1993	TP. Hà Nội	
223	Phạm Thu	Hà	01/09/2001	TP. Hà Nội	
224	Trần Thị Ngọc	Hà	21/05/2001	TP. Hà Nội	
225	Nguyễn Thị Minh	Hà	05/09/1985	TP. Hà Nội	
226	Dương Thị Thu	Hà	21/09/1990	TP. Hà Nội	
227	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	15/11/1986	TP. Hà Nội	
228	Lê Thị Ngân	Hà	10/05/2001	TP. Hà Nội	
229	Nguyễn Thị Thu	Hà	27/10/1996	TP. Hà Nội	
230	Nguyễn Thị Hải	Hà	08/12/1997	TP. Hà Nội	
231	Phạm Thị	Hà	16/02/2000	TP. Hà Nội	
232	Nguyễn Thị Việt	Hà	06/12/1999	TP. Hà Nội	
233	Nguyễn Ngọc	Hà	30/12/1997	TP. Hà Nội	
234	Trương Thị Thu	Hà	21/11/1995	TP. Hà Nội	
235	Nguyễn Thái	Hà	26/03/1993	TP. Hà Nội	
236	Đỗ Việt	Hà	05/12/1993	TP. Hà Nội	
237	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	17/12/1999	TP Hà Nội	
238	Hoàng Xuân	Hải	14/9/2000	TP. Huế	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
239	Trần Trọng	Hải	12/11/1974	TP. Hải Phòng	
240	Trịnh Hồng	Hải	14/03/1966	Phú Thọ	
241	Phạm Phú	Hải	15/3/1979	Quảng Trị	
242	Lê Văn	Hải	12/07/1977	TP. Hà Nội	
243	Trần Long	Hải	21/05/2001	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
244	Nguyễn Thị	Hải	02/03/1980	TP. Hà Nội	
245	Nguyễn Như	Hải	27/09/1980	TP. Hà Nội	
246	Nguyễn Thị Thu	Hải	20/09/2000	TP. Hà Nội	
247	Nguyễn Thị	Hân	11/9/2001	Phú Thọ	
248	Phạm Ngọc	Hân	11/7/2000	TP. Hải Phòng	
249	Đỗ Thị	Hân	18/09/1998	TP. Hà Nội	
250	Nguyễn Thị Minh	Hân	22/06/1997	TP. Hà Nội	
251	Lê Thị	Hằng	05/5/1996	Thanh Hóa	
252	Lê Thị Thanh	Hằng	26/8/1997	Phú Thọ	
253	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	05/9/1998	Thái Nguyên	
254	Lê Thanh	Hằng	06/07/2000	TP. Hà Nội	
255	Phạm Thu	Hằng	29/08/1973	TP. Hà Nội	
256	Bùi Thu	Hằng	17/07/1994	TP. Hà Nội	
257	Nguyễn Thị Thu	Hằng	21/06/1998	TP. Hà Nội	
258	Hà Việt	Hằng	20/11/1996	TP. Hà Nội	
259	Hà Thuý	Hằng	03/02/1996	TP. Hà Nội	
260	Nguyễn Thị Bích	Hằng	16/04/1997	TP. Hà Nội	
261	Nguyễn Thị	Hằng	12/09/2001	TP. Hà Nội	
262	Hoàng Mai	Hằng	20/04/1999	TP. Hà Nội	
263	Lê Thị	Hằng	27/07/1987	TP. Hà Nội	
264	Nguyễn Thu	Hằng	18/12/2001	TP. Hà Nội	
265	Phạm Việt	Hằng	14/11/2001	TP. Hà Nội	
266	Lê Mỹ	Hạnh	13/01/1993	Phú Thọ	
267	Nguyễn Thị	Hạnh	05/12/1986	Nghệ An	
268	Đỗ Thị	Hạnh	08/09/1979	TP. Hà Nội	
269	Phạm Ngân	Hạnh	20/06/1996	TP. Hà Nội	
270	Trần Thị Bích	Hạnh	28/02/1992	TP. Hà Nội	
271	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	29/11/1996	TP. Hà Nội	
272	Nguyễn Quốc Anh	Hào	04/08/1998	TP. Hà Nội	
273	Nguyễn Thị Phương	Hào	27/02/2000	TP. Hà Nội	
274	Đoàn Thu	Hậu	06/5/2000	TP. Hải Phòng	
275	Trần Công	Hậu	11/10/1997	TP. Hà Nội	
276	Nguyễn Thị	Hiền	08/3/1993	TP. Hà Nội	
277	Trần Thị Thu	Hiền	12/09/1983	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
278	Phạm Thị Thu	Hiền	06/04/1991	TP. Hà Nội	
279	Cao Thị	Hiền	13/10/2000	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
280	Nguyễn Thu	Hiền	10/12/1979	TP. Hà Nội	
281	Võ Thu	Hiền	05/05/1987	TP. Hà Nội	
282	Trần Thị Thanh	Hiền	25/10/1991	TP. Hà Nội	
283	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/12/1999	TP. Hà Nội	
284	Nguyễn Thị	Hiền	18/11/1985	TP. Hà Nội	
285	Ngô Tiến	Hiền	20/4/1997	Bắc Ninh	
286	Nguyễn Quang	Hiền	16/12/1980	TP. Hà Nội	
287	Bàn Hoàng	Hiền	27/04/1999	TP. Hà Nội	
288	Trịnh Ngọc	Hiền	29/05/1998	TP. Hà Nội	
289	Mai Xuân	Hiệp	27/01/1995	Hà Tĩnh	
290	Nguyễn Đức	Hiệp	12/12/1994	TP. Hà Nội	
291	Hoàng Trọng	Hiếu	31/8/1997	Sơn La	
292	Hoàng Minh	Hiếu	29/8/1998	Phú Thọ	
293	Ma Minh	Hiếu	20/12/1998	Thái Nguyên	
294	Nguyễn Ngọc	Hiếu	25/10/1996	TP. Hà Nội	
295	Nguyễn Trung	Hiếu	09/01/1990	TP. Hà Nội	
296	Lê Minh	Hiếu	08/12/2000	TP. Hà Nội	
297	Bùi Trung	Hiếu	27/05/2000	TP. Hà Nội	
298	Phạm Trung	Hiếu	14/04/1999	TP. Hà Nội	
299	Nguyễn Trung	Hiếu	15/07/1987	TP. Hà Nội	
300	Đào Minh	Hiếu	14/01/1998	TP. Hà Nội	
301	Nguyễn Hữu	Hiếu	02/04/2000	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
302	Đặng Xuân	Hiếu	17/08/2001	TP. Hà Nội	
303	Phạm Chí	Hiếu	13/07/2000	TP. Hà Nội	
304	Lưu Minh	Hiếu	12/08/1999	TP. Hà Nội	
305	Dương Nguyễn Minh	Hiếu	02/10/2000	TP. Hà Nội	
306	Trương Minh	Hiếu	27/03/2000	TP. Hà Nội	
307	Đào Huy	Hiệu	21/06/1998	TP. Hà Nội	
308	Đỗ Quỳnh	Hoa	13/4/1998	Thái Nguyên	
309	Nguyễn Thị	Hoa	02/5/1995	TP. Hà Nội	
310	Lê Thị Thanh	Hoa	28/10/1998	Hưng Yên	
311	Nguyễn Thị	Hoa	16/05/1996	TP. Hà Nội	
312	Nguyễn Thị	Hoa	27/06/1984	TP. Hà Nội	
313	Vũ Quốc	Hòa	13/06/1993	TP. Hà Nội	
314	Hà Thị Minh	Hòa	26/12/1972	Phú Thọ	
315	Đào Thị	Hòa	29/11/1995	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
316	Mạc Thị Khánh	Hòa	23/03/2001	TP. Hà Nội	
317	Trần Thị	Hòa	21/12/1983	TP. Hà Nội	
318	Nguyễn Thu	Hòa	16/10/2000	TP. Hà Nội	
319	Đào Thị	Hoài	21/9/1999	Tuyên Quang	
320	Hoàng Thị	Hoài	28/4/1986	Thái Nguyên	
321	Phạm Thị	Hoài	21/02/1998	TP. Hà Nội	
322	Hoàng Thị	Hoài	17/08/2001	TP. Hà Nội	
323	Trần Thu	Hoài	05/09/1999	TP. Hà Nội	
324	Phạm Công	Hoan	04/05/1992	TP. Hà Nội	
325	Phạm Công	Hoan	29/12/1990	TP. Hà Nội	
326	Đỗ Thị	Hoàn	14/02/1999	Phú Thọ	
327	Nguyễn Thúy	Hoàn	25/07/1994	TP. Hà Nội	
328	Nguyễn Văn	Hoàn	24/09/1996	TP. Hà Nội	
329	Bùi Huy	Hoàng	25/02/2001	Nghệ An	
330	Phan Huy	Hoàng	06/01/1997	TP. Hà Nội	
331	Vũ Đình Minh	Hoàng	16/04/1995	TP. Hà Nội	
332	Hồ Sỹ	Hoàng	29/04/1995	TP. Hà Nội	
333	Phạm Việt	Hoàng	03/12/1997	TP. Hà Nội	
334	Vũ Thanh	Hoàng	28/11/1999	TP. Hà Nội	
335	Nguyễn Văn	Hồng	29/8/1988	Phú Thọ	
336	Hồ Thị	Hồng	01/11/1986	TP. Hà Nội	
337	Trần Thị	Hồng	25/08/1981	TP. Hà Nội	
338	Nguyễn Thị	Hồng	10/10/1999	TP. Hà Nội	
339	Lê Thị	Hồng	09/11/2000	TP. Hà Nội	
340	Nguyễn Thị Bích	Hồng	22/08/2001	TP. Hà Nội	
341	Nguyễn Thúy	Hồng	14/09/1996	TP. Hà Nội	
342	Nguyễn Thị	Hồng	02/10/2001	TP. Hà Nội	
343	Phạm Thị	Hồng	29/03/1999	TP. Hà Nội	
344	Đình Mạnh	Huân	12/7/1983	Quảng Ninh	
345	Trần Quang	Huân	05/10/1990	TP. Hà Nội	
346	Lê Đức	Huế	09/8/1984	Nghệ An	
347	Phạm Thị	Huệ	04/08/1989	TP. Hà Nội	
348	Trần Văn	Hùng	05/11/2000	Nghệ An	
349	Nguyễn Phú	Hùng	10/6/1989	Quảng Ninh	
350	Phạm Phi	Hùng	21/11/1990	TP. Hà Nội	
351	Phạm Bá	Hùng	01/03/1971	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
352	Lê Mạnh	Hùng	16/05/2000	TP. Hà Nội	
353	Nguyễn Phú	Hùng	18/06/1976	TP. Hà Nội	
354	Cà Duy	Hùng	17/12/2000	TP. Hà Nội	
355	Nguyễn Mạnh	Hùng	11/01/1999	TP. Hà Nội	
356	Nguyễn Mạnh	Hùng	01/08/1999	TP. Hà Nội	
357	Đình Dương	Hùng	27/12/2000	TP. Hà Nội	
358	Nguyễn Quang	Hùng	12/8/1989	Quảng Ninh	
359	Nguyễn Tuấn	Hùng	02/5/1985	Phú Thọ	
360	Nguyễn Việt	Hùng	28/12/1999	TP. Hà Nội	
361	Nguyễn Bá	Hùng	14/11/1978	TP. Hà Nội	
362	Nguyễn Việt	Hùng	31/10/1984	TP. Hà Nội	
363	Trần Phan	Hùng	01/07/1995	TP. Hà Nội	
364	Trần Văn	Hùng	13/04/2000	TP. Hà Nội	
365	Đông Văn	Hùng	09/08/2000	TP. Hà Nội	
366	Trần Việt	Hùng	01/11/2000	TP. Hà Nội	
367	Lê Đức	Hùng	05/12/2000	TP. Hà Nội	
368	Nguyễn Hữu	Hùng	21/01/1993	TP. Hà Nội	
369	Phạm Văn	Hùng	17/08/1986	TP. Hà Nội	
370	Phạm Thị Thu	Hương	06/4/1992	TP. Hải Phòng	
371	Trần Thị Mai	Hương	01/10/1991	Quảng Ninh	
372	Vũ Lan	Hương	12/10/1993	Quảng Ninh	
373	Nguyễn Mai	Hương	21/8/2000	Thái Nguyên	
374	Nguyễn Thị Lan	Hương	22/01/1994	Bắc Ninh	
375	Nguyễn Thị Lan	Hương	22/3/1980	TP. Hà Nội	
376	Hoàng Thị	Hương	17/06/1993	TP. Hà Nội	
377	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/01/1978	TP. Hà Nội	
378	Trịnh Xuân	Hương	15/03/1976	TP. Hà Nội	
379	Phạm Diệu	Hương	17/02/1995	TP. Hà Nội	
380	Đào Thị	Hương	25/03/1987	TP. Hà Nội	
381	Nguyễn Thị	Hương	07/10/2001	TP. Hà Nội	
382	Đặng Thị Vũ	Hường	13/10/1987	Quảng Ninh	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
383	Lê Thị	Hường	03/08/1999	TP. Hà Nội	
384	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/03/1990	TP. Hà Nội	
385	Nguyễn Thu	Hường	17/09/2001	TP. Hà Nội	
386	Bé Thị	Hường	18/10/1997	TP. Hà Nội	
387	Lương Quốc	Huy	16/8/1996	Quảng Ninh	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
388	Lê Viên	Huy	11/5/2000	Bắc Ninh	
389	Nguyễn Phú Quang	Huy	22/01/2000	TP. Hà Nội	
390	Nguyễn Trọng	Huy	30/08/1987	TP. Hà Nội	
391	Phạm Đăng	Huy	12/10/1998	TP. Hà Nội	
392	Hà Tiên	Huy	01/10/1997	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
393	Nguyễn Tuấn	Huy	29/07/1974	TP. Hà Nội	
394	Nguyễn Xuân	Huy	19/01/1997	TP. Hà Nội	
395	Nguyễn Kim	Huy	16/07/1999	TP. Hà Nội	
396	Bùi Quang	Huy	26/01/1987	TP. Hà Nội	
397	Lữ Thị	Huyền	26/7/1998	Thanh Hóa	
398	Nguyễn Thị	Huyền	20/3/1986	TP. Hải Phòng	
399	Nghiêm Minh	Huyền	18/7/1998	Phú Thọ	
400	Nguyễn Mai	Huyền	21/12/1996	TP. Hà Nội	
401	Đào Thị Thu	Huyền	03/12/1984	TP. Hà Nội	
402	Hoàng Bảo	Huyền	10/08/1992	TP. Hà Nội	
403	Vũ Thị Khánh	Huyền	06/12/1996	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
404	Lê Thị	Huyền	16/07/1978	TP. Hà Nội	
405	Phạm Thị Khánh	Huyền	25/01/2001	TP. Hà Nội	
406	Trần Thị	Huyền	03/05/1996	TP. Hà Nội	
407	Nguyễn Ngọc	Huyền	21/05/2000	TP. Hà Nội	
408	Lý Thị	Huyền	12/03/1996	TP. Hà Nội	
409	Lê Khánh	Huyền	17/11/1997	TP. Hà Nội	
410	Lê Thanh	Huyền	31/07/1999	TP. Hà Nội	
411	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/02/1996	TP. Hà Nội	
412	Vũ Thảo	Huyền	28/08/1998	TP. Hà Nội	
413	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/12/1977	TP. Hà Nội	
414	Dương Văn	Khải	17/01/1984	TP. Hà Nội	
415	Hoàng Ngọc	Khải	31/08/1978	TP. Hà Nội	
416	Nguyễn Duy	Khang	12/10/1976	Thanh Hóa	
417	Phùng Đình	Khang	08/03/1994	TP. Hà Nội	
418	Trần Thị Huệ	Khanh	22/7/2000	TP. Hà Nội	
419	Trần Quốc	Khánh	02/9/2000	Bắc Ninh	
420	Lê Văn	Khánh	29/06/1984	TP. Hà Nội	
421	Lê Phi	Khánh	29/09/1998	TP. Hà Nội	
422	Nguyễn Việt	Khoa	14/10/1979	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
423	Hồ Duy	Khoa	26/01/1993	TP. Hà Nội	
424	Vy Trung	Kiên	30/11/1996	TP. Hà Nội	
425	Nguyễn Trung	Kiên	15/08/1999	TP. Hà Nội	
426	Tăng Ngọc	Kiên	08/04/1999	TP. Hà Nội	
427	Đỗ Thùy	Kim	12/7/2001	TP. Hải Phòng	
428	Nguyễn Thị	Kim	29/01/1996	TP. Hà Nội	
429	Lưu Văn	Kỳ	07/11/1991	TP. Hà Nội	
430	Lê Thị	La	20/04/1975	TP. Hà Nội	
431	Nguyễn Minh	Lai	01/01/1978	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
432	Nguyễn Quỳnh	Lâm	04/3/1997	Phú Thọ	
433	Lê Thị Mai	Lâm	01/03/1995	TP. Hà Nội	
434	Chu Thị Tuyết	Lan	05/12/1975	TP. Hà Nội	
435	Hoàng	Lan	04/08/1999	TP. Hà Nội	
436	Hoàng Thị	Lan	15/11/1997	TP. Hà Nội	
437	Mai Thị Phương	Lan	19/12/1984	TP. Hà Nội	
438	Lương Thị Hương	Lan	12/03/2001	TP. Hà Nội	
439	Đỗ Thị Ngọc	Lan	16/12/2001	TP. Hà Nội	
440	Hà Thị	Lê	02/02/1991	TP. Hà Nội	
441	Nguyễn Thị	Lệ	31/12/1999	TP. Hà Nội	
442	Vương Lê Ngọc	Liên	02/3/1997	Phú Thọ	
443	Vũ Hoàng Phương	Liên	01/07/2001	Phú Thọ	
444	Nguyễn Thị	Liên	25/07/1981	TP. Hà Nội	
445	Tôn Thị	Liên	18/02/1993	TP. Hà Nội	
446	Nguyễn Lưu Quỳnh	Liên	30/07/1995	TP. Hà Nội	
447	Phạm Thị	Liễu	01/12/1993	TP. Hà Nội	
448	Vũ Thị	Liệu	17/03/1993	TP. Hà Nội	
449	Hà Thị Thùy	Linh	04/5/1997	TP. Hải Phòng	
450	Đinh Khánh	Linh	03/01/1993	Phú Thọ	
451	Phạm Thị Trúc	Linh	02/10/2000	Nghệ An	
452	Nguyễn Bảo	Linh	08/7/1995	Quảng Ninh	
453	Nguyễn Thị Hải	Linh	19/5/1996	Thái Nguyên	
454	Nguyễn Đặng Ngọc	Linh	08/11/1999	TP. Hà Nội	
455	Nguyễn Quang	Linh	10/12/1997	TP. Hà Nội	
456	Triệu Tú	Linh	09/10/1998	TP. Hà Nội	
457	Trần Thị Thuý	Linh	11/09/1999	TP. Hà Nội	
458	Quách Hồng	Linh	17/06/1999	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
459	Nguyễn Mỹ	Linh	26/02/1998	TP. Hà Nội	
460	Ngô Thị Khánh	Linh	26/06/1998	TP. Hà Nội	
461	Bùi Mạnh	Linh	15/11/1999	TP. Hà Nội	
462	Vũ Tú	Linh	24/05/1994	TP. Hà Nội	
463	Lê Thị Hà	Linh	20/10/1993	TP. Hà Nội	
464	Đỗ Phương	Linh	21/08/1998	TP. Hà Nội	
465	Bùi Ngọc	Linh	20/02/2001	TP. Hà Nội	
466	Bùi Mai	Linh	09/12/2001	TP. Hà Nội	
467	Lã Thành	Linh	21/07/2001	TP. Hà Nội	
468	Lê Diệu	Linh	04/08/2000	TP. Hà Nội	
469	Phạm Thị Mỹ	Linh	28/09/1994	TP. Hà Nội	
470	Đỗ Khánh	Linh	13/11/1997	TP. Hà Nội	
471	Phạm Thảo	Linh	29/10/2001	TP. Hà Nội	
472	Đặng Phương	Linh	18/09/1999	TP. Hà Nội	
473	Hà Thị Hoài	Linh	05/07/2000	TP. Hà Nội	
474	Vũ Thùy	Linh	03/02/2000	TP. Hà Nội	
475	Trần Khánh	Linh	17/06/1999	TP. Hà Nội	
476	Lưu Nhật	Linh	28/10/2000	TP. Hà Nội	
477	Trần Thị Thùy	Linh	30/11/1993	TP. Hà Nội	
478	Nguyễn Quang	Linh	23/02/1998	TP. Hà Nội	
479	Nguyễn Diệu	Linh	18/05/1998	TP. Hà Nội	
480	Phạm Đoàn Ngọc	Linh	30/10/1999	TP. Hà Nội	
481	Trần Hoàng	Linh	06/08/1998	TP. Hà Nội	
482	Hồ Thị	Loan	02/9/1999	TP. Hà Nội	
483	Phạm Thị	Loan	20/03/1997	TP. Hà Nội	
484	Phạm Thị Châu	Loan	19/04/1985	TP. Hà Nội	
485	Vũ Thị Phương	Loan	02/07/2000	TP. Hà Nội	
486	Nguyễn Thị	Loan	02/11/1991	TP. Hà Nội	
487	Nguyễn Thị Hồng	Loan	10/08/1983	TP. Hà Nội	
488	Nguyễn Văn	Lộc	28/03/2000	TP. Hà Nội	
489	Đinh Thị Bích	Lộc	11/06/1995	TP. Hà Nội	
490	Nguyễn Thanh	Long	22/3/1994	Phú Thọ	
491	Nguyễn Mạnh	Long	08/6/1996	Bắc Ninh	
492	Đỗ Thành	Long	06/08/1997	TP. Hà Nội	
493	Nguyễn Văn	Long	05/09/2000	TP. Hà Nội	
494	Bùi Nguyễn Quang	Long	20/08/1998	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
495	Bùi Thị	Lụa	08/01/1999	TP. Hà Nội	
496	Giàng Mí	Lùng	10/10/1999	Thái Nguyên	
497	Nguyễn Ngọc	Lương	09/01/1965	Phú Thọ	
498	Nguyễn Văn	Lương	06/07/1996	TP. Hà Nội	
499	Trịnh Thị	Lương	27/07/2001	TP. Hà Nội	
500	Đoàn Thanh	Lưu	15/3/1994	Quảng Trị	
501	Phạm Hồng	Luyến	30/11/2001	Bắc Ninh	
502	Lê Thị Khánh	Ly	12/7/1999	Hà Tĩnh	
503	Nguyễn Thị Hương	Ly	05/01/2000	TP. Hà Nội	
504	Đinh Hương	Ly	12/06/2000	TP. Hà Nội	
505	Ninh Thảo	Ly	05/02/2000	TP. Hà Nội	
506	Lương Thị Kiều	Ly	14/11/2001	TP. Hà Nội	
507	Nguyễn Thị Thảo	Ly	14/01/2001	TP. Hà Nội	
508	Hoàng Thị	Lý	04/07/1993	TP. Hà Nội	
509	Nguyễn Thị Minh	Lý	15/02/1985	TP. Hà Nội	
510	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	15/02/1999	Phú Thọ	
511	Trần Thị Phương	Mai	27/7/2000	Bắc Ninh	
512	Nguyễn Thị	Mai	20/7/1998	Bắc Ninh	
513	Trần Phương	Mai	18/01/2000	TP. Hà Nội	
514	Trần Thị Thúy	Mai	01/10/1999	TP. Hà Nội	
515	Nguyễn Thị	Mai	19/12/1992	TP. Hà Nội	
516	Nguyễn Thị Thanh	Mai	17/05/2000	TP. Hà Nội	
517	Cao Thị Ngọc	Mai	03/11/1994	TP. Hà Nội	
518	Nguyễn Thanh	Mai	06/11/1995	TP. Hà Nội	
519	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/1999	TP. Hà Nội	
520	Nguyễn Thị Thanh	Mai	23/01/1998	TP. Hà Nội	
521	Trần Thị	Mai	27/07/1998	TP. Hà Nội	
522	Phạm Thị Phương	Mai	10/04/1999	TP. Hà Nội	
523	Nguyễn Tiến	Mạnh	15/10/1983	TP. Hà Nội	
524	Lò Văn	Mạnh	25/02/2000	TP. Hà Nội	
525	Nguyễn Đình	Mạo	12/01/2000	Hà Tĩnh	
526	Lâm Thị Kiều	Mi	04/02/1994	TP. Hà Nội	
527	Chu Văn	Minh	10/10/1997	Nghệ An	
528	Nghiêm Tiến	Minh	18/6/1975	Bắc Ninh	
529	Lê Bá	Minh	08/8/1991	Lào Cai	
530	Trần Lê Ngọc	Minh	22/04/1997	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
531	Đỗ Anh	Minh	10/11/1997	TP. Hà Nội	
532	Đặng Nhật	Minh	09/09/2000	TP. Hà Nội	
533	Đỗ Ngọc	Minh	20/06/2000	TP. Hà Nội	
534	Vũ Quang	Minh	28/09/1996	TP. Hà Nội	
535	Cao Tuấn	Minh	08/08/2000	TP. Hà Nội	
536	Tạ Thị Bình	Minh	08/04/2000	TP. Hà Nội	
537	Ngô Tiến	Minh	10/09/1997	TP. Hà Nội	
538	Nguyễn Thị	Mùi	03/03/1979	TP. Hà Nội	
539	Phan Thu Hà	My	28/3/1995	Phú Thọ	
540	Nguyễn Thảo	My	20/03/1996	TP. Hà Nội	
541	Trịnh Thị Trà	My	25/11/1996	TP. Hà Nội	
542	Dương Thị Kiều	My	26/12/1995	TP. Hà Nội	
543	Lê Thị Hà	My	15/02/1997	TP. Hà Nội	
544	Dương Thị Trà	My	06/03/1996	TP. Hà Nội	
545	Cao Thị Ngọc	Mỹ	30/9/2000	TP. Hà Nội	
546	Lê	Na	28/12/1997	TP. Hà Nội	
547	Đặng Minh	Nam	08/04/1993	TP. Hà Nội	
548	Nguyễn Bảo	Nam	14/09/1999	TP. Hà Nội	
549	Ngô Văn	Nam	28/07/1999	TP. Hà Nội	
550	Phan Duy	Nam	24/03/2000	TP. Hà Nội	
551	Đỗ Văn	Nam	03/06/1998	TP. Hà Nội	
552	Trần Hải	Nam	01/07/1993	TP. Hà Nội	
553	Hoàng Đức	Nam	02/11/2001	TP. Hà Nội	
554	Nguyễn Đăng	Nam	26/06/2000	TP. Hà Nội	
555	Lê Bảo	Nam	11/09/1995	TP. Hà Nội	
556	Trần Tiến	Nam	12/02/2001	TP. Hà Nội	
557	Lê Thị	Nga	01/07/1996	Thanh Hóa	
558	Trần Thị Hằng	Nga	01/11/2000	TP. Hà Nội	
559	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	09/05/1995	TP. Hà Nội	
560	Lê Thị	Nga	04/05/1994	TP. Hà Nội	
561	Phạm Thị Kim	Ngân	09/12/1993	TP. Hải Phòng	
562	Trần Thị	Ngân	13/05/1996	TP. Hà Nội	
563	Hoàng Hải	Ngân	02/07/1997	TP. Hà Nội	
564	Lê Thị	Ngân	17/07/1991	TP. Hà Nội	
565	Đậu Thu	Ngân	10/12/2001	TP. Hà Nội	
566	Trần Thị Thanh	Ngân	11/01/2001	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
567	Lê Hà Tuyết	Ngân	18/03/1998	TP. Hà Nội	
568	Võ Thị Hồng	Nghị	16/06/1987	TP. Hà Nội	
569	Trần Công	Nghĩa	18/08/1999	TP. Hà Nội	
570	Lưu Bích	Ngọc	23/11/1998	TP. Hà Nội	
571	Trần Minh	Ngọc	28/11/2001	TP. Hà Nội	
572	Nguyễn Thị	Ngọc	07/5/1996	TP. Hà Nội	
573	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	03/04/1999	TP. Hà Nội	
574	Trần Bảo	Ngọc	30/07/1999	TP. Hà Nội	
575	Mai Thị	Ngọc	19/07/1993	TP. Hà Nội	
576	Nguyễn Bảo	Ngọc	10/07/1999	TP. Hà Nội	
577	Đỗ Thị Như	Ngọc	08/10/1999	TP. Hà Nội	
578	Bùi Thị Minh	Ngọc	12/09/1998	TP. Hà Nội	
579	Lê Khánh	Ngọc	11/09/1999	TP. Hà Nội	
580	Trương Thị	Ngọc	22/02/1997	TP. Hà Nội	
581	Nguyễn Hồng	Ngọc	25/04/2000	TP. Hà Nội	
582	Vũ Thảo	Nguyên	30/08/1999	TP. Hà Nội	
583	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	23/07/1976	TP. Hà Nội	
584	Mai Thảo	Nguyên	24/01/2000	TP. Hà Nội	
585	Phạm Hạnh	Nguyên	06/09/2001	TP. Hà Nội	
586	Trần Ánh	Nguyệt	10/12/1991	TP. Hà Nội	
587	Hoàng Minh	Nguyệt	04/10/2001	TP. Hà Nội	
588	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/04/2000	TP. Hà Nội	
589	Đặng Thị	Nguyệt	16/05/2001	TP. Hà Nội	
590	Lê Thị Thanh	Nhàn	18/04/2001	TP. Hà Nội	
591	Nguyễn Thanh	Nhàn	31/08/1999	TP. Hà Nội	
592	Trần Hữu	Nhân	18/10/1982	Bắc Ninh	
593	Trần Văn	Nhân	10/11/1978	TP. Hà Nội	
594	Lý Thành	Nhân	10/07/2001	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
595	Hoàng Phương	Nhi	26/05/1999	TP. Hà Nội	
596	Đặng Huyền	Nhi	24/07/2001	TP. Hà Nội	
597	Nguyễn Thị Ngọc	Như	13/6/1997	TP. Huế	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
598	Nguyễn Huyền	Nhung	26/02/2000	Cao Bằng	
599	Phạm Thị	Nhung	11/02/1996	TP. Hải Phòng	
600	Bùi Thị	Nhung	25/12/1984	Thanh Hóa	
601	Trần Trang	Nhung	16/01/2000	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
602	Trương Hồng	Nhung	19/01/1991	TP. Hà Nội	
603	Lê Thị	Nhung	02/07/2001	TP. Hà Nội	
604	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/10/2001	TP. Hà Nội	
605	Nguyễn Vương	Nhung	22/10/1993	TP. Hà Nội	
606	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/1997	TP. Hà Nội	
607	Vũ Trang	Nhung	13/08/2000	TP. Hà Nội	
608	Nguyễn Xuân	Ninh	25/07/1977	TP. Hà Nội	
609	Hà Kim	Oanh	13/05/1997	TP. Hà Nội	
610	Nguyễn Kim	Oanh	05/06/1981	TP. Hà Nội	
611	Đỗ Thị Kim	Oanh	10/09/1996	TP. Hà Nội	
612	Phạm Thị Kim	Oanh	20/07/1978	TP. Hà Nội	
613	Nguyễn Thị	Oanh	02/07/1992	TP. Hà Nội	
614	Nguyễn Thị	Oanh	05/01/1999	TP. Hà Nội	
615	Vương Thị	Oanh	05/10/1997	TP. Hà Nội	
616	Chu Hải	Phong	12/07/1995	TP. Hà Nội	
617	Lê Ngọc	Phong	12/10/1994	TP. Hà Nội	
618	Hùng Thị	Phong	30/06/1992	TP. Hà Nội	
619	Nguyễn Văn	Phong	02/03/1998	TP. Hà Nội	
620	Trần Minh	Phúc	22/01/1997	TP. Hải Phòng	
621	Bùi Duy	Phúc	19/5/1989	Quảng Ninh	
622	Hoàng Đức	Phúc	02/11/1992	Bắc Ninh	
623	Tăng Chí	Phúc	26/01/1974	TP. Hà Nội	
624	Nguyễn Hồng	Phúc	20/07/2000	TP. Hà Nội	
625	Nguyễn Phạm Chí	Phước	29/04/2001	TP. Hà Nội	
626	Tạ Thị Lan	Phương	10/9/1992	Hung Yên	
627	Nguyễn Văn	Phương	20/8/1976	Ninh Bình	
628	Đặng Xuân	Phương	30/5/1996	Thái Nguyên	
629	Phạm Thị Bích	Phương	20/6/1998	TP. Hà Nội	
630	Lê Mai	Phương	29/09/1995	TP. Hà Nội	
631	Khương Thu	Phương	21/01/1984	TP. Hà Nội	
632	Bùi Thị Mai	Phương	12/04/1997	TP. Hà Nội	
633	Nguyễn Thị Hà	Phương	24/03/1996	TP. Hà Nội	
634	Bùi Thu	Phương	27/11/1992	TP. Hà Nội	
635	Vũ Thị Mai	Phương	28/03/1983	TP. Hà Nội	
636	Tô Cao	Phương	10/05/1999	TP. Hà Nội	
637	Phạm Thị	Phương	19/04/2000	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
638	Nguyễn Thị Mai	Phương	19/02/1984	TP. Hà Nội	
639	Trần Thị Yến	Phương	05/09/1978	TP. Hà Nội	
640	Vũ Hoàng Nhật	Phương	04/11/2001	TP. Hà Nội	
641	Nguyễn Thị	Phương	02/01/1999	TP. Hà Nội	
642	Đoàn Minh	Phương	31/10/2001	TP. Hà Nội	
643	Trần Minh	Phương	21/10/1999	TP. Hà Nội	
644	Nguyễn Nam	Phương	07/04/1996	TP. Hà Nội	
645	Nguyễn Thanh	Phương	13/01/2000	TP. Hà Nội	
646	Lê Thị	Phương	10/11/1991	TP. Hà Nội	
647	Đặng Thị Mai	Phương	14/03/1999	TP. Hà Nội	
648	Phú Thị Hoa	Phượng	20/01/1996	TP. Hà Nội	
649	Lưu Thị	Phượng	11/07/1995	TP. Hà Nội	
650	Trần Thị	Phượng	17/10/1996	TP. Hà Nội	
651	Nguyễn Vũ	Quân	11/8/1980	TP. Hà Nội	
652	Lã Tuấn Anh	Quân	25/10/1995	TP. Hà Nội	
653	Vũ Hồng	Quân	22/11/1993	TP. Hà Nội	
654	Nguyễn Văn	Quân	13/09/1990	TP. Hà Nội	
655	Phạm Hoàng Minh	Quân	13/11/1996	TP. Hà Nội	
656	Ninh Văn	Quang	28/8/1999	Thanh Hóa	
657	Hoàng Minh	Quang	06/07/2001	TP. Hà Nội	
658	Lê Việt	Quang	10/07/2001	TP. Hà Nội	
659	Nguyễn Thái Minh	Quang	11/02/2002	TP. Hà Nội	
660	Lò Văn	Quang	20/06/1997	TP. Hà Nội	
661	Nguyễn Thị	Quảng	01/12/1989	TP. Hải Phòng	
662	Lương Văn	Qui	02/04/1997	TP. Hà Nội	
663	Dương Thị	Quý	09/10/1993	Phú Thọ	
664	Lê Thanh	Quý	22/02/1992	TP. Hà Nội	
665	Nguyễn Ngọc	Quý	25/04/1993	TP. Hà Nội	
666	Trịnh Ngọc	Quý	01/04/2000	TP. Hà Nội	
667	Ngô Văn	Quyền	06/01/2001	TP. Hà Nội	
668	Nguyễn Bình Trúc	Quynh	13/01/1997	TP. Hà Nội	
669	Nguyễn Xuân	Quynh	30/08/1997	TP. Hà Nội	
670	Vũ Thu	Quynh	08/09/2001	TP. Hà Nội	
671	Nguyễn Như	Quynh	30/08/1996	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
672	Lê Hoàng	Quynh	04/11/1991	TP. Hà Nội	
673	Trần Thúy	Quynh	04/10/2001	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
674	Bùi Thị Như	Quỳnh	12/01/1996	TP. Hà Nội	
675	Phạm	Quỳnh	25/03/1973	TP. Hà Nội	
676	Vi Công	Sang	28/03/1996	TP. Hà Nội	
677	Nguyễn Đình	Sáng	10/09/1986	TP. Hà Nội	
678	Lê Nguyên	Sinh	22/11/1994	TP. Hà Nội	
679	Đỗ Thị	Soạn	05/03/1993	TP. Hà Nội	
680	Đặng Xuân	Son	25/10/1999	Quảng Trị	
681	Lê Anh	Son	01/04/1976	TP. Hà Nội	
682	Lưu Hoàng	Son	24/02/2000	TP. Hà Nội	
683	Cầm Bá	Son	16/12/1996	TP. Hà Nội	
684	Nguyễn Thị Hoài	Sương	21/04/2001	TP. Hà Nội	
685	Đặng Ngọc	Sỹ	11/9/1982	Quảng Ninh	
686	Phạm Văn	Sỹ	23/12/1979	TP. Hà Nội	
687	Hoàng Thị Thanh	Tâm	31/5/1997	Bắc Ninh	
688	Đỗ Đình	Tâm	14/10/1990	TP. Hà Nội	
689	Cao Hồng	Tâm	22/07/1999	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
690	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	20/04/1990	TP. Hà Nội	
691	Nguyễn Thị	Tâm	15/10/1989	TP. Hà Nội	
692	Bùi Thị Thanh	Tâm	15/07/1973	TP. Hà Nội	
693	Trần Thị	Tâm	18/06/1985	TP. Hà Nội	
694	Vũ Đức	Tân	05/10/2000	TP. Hà Nội	
695	Phùng Trọng	Tân	28/01/2001	TP. Hà Nội	
696	Nguyễn Thành	Tân	13/04/2001	TP. Hà Nội	
697	Lương Minh	Thạch	25/03/1984	TP. Hà Nội	
698	Trần Văn	Thái	06/07/1997	TP. Hà Nội	
699	Dương Ngọc	Thái	18/04/1986	TP. Hà Nội	
700	Lê Hồng	Thắm	06/10/1997	Tuyên Quang	
701	Đỗ Thị Thùy	Thắm	02/02/1997	TP. Hà Nội	
702	Phạm Toàn	Thắng	12/01/1970	Quảng Ninh	
703	Dương Xuân	Thắng	25/10/1980	TP. Hà Nội	
704	Đỗ Trọng	Thắng	13/12/1968	TP. Hà Nội	
705	Nguyễn Toàn	Thắng	20/07/1983	TP. Hà Nội	
706	Nguyễn Văn	Thắng	21/12/1988	TP. Hà Nội	
707	Đình Vũ	Thanh	02/09/1973	TP. Hà Nội	
708	Nguyễn Thị Phương	Thanh	19/08/1984	TP. Hà Nội	
709	Nguyễn Thị	Thanh	09/07/1993	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
710	Vũ Thị Thanh	Thanh	18/06/1993	TP. Hà Nội	
711	Nguyễn Thu	Thanh	13/11/1997	TP. Hà Nội	
712	Nguyễn Phương	Thanh	06/01/1984	TP. Hà Nội	
713	Trần Thị Phương	Thanh	16/07/1983	TP. Hà Nội	
714	Nguyễn Thị	Thanh	27/08/1991	TP. Hà Nội	
715	Hoàng Kim	Thanh	05/11/1998	TP. Hà Nội	
716	Nguyễn Hoàng	Thanh	01/02/1994	TP. Hà Nội	
717	Nguyễn Nhật	Thành	27/01/1995	Ninh Bình	
718	Nguyễn Tất	Thành	19/10/1993	TP. Hà Nội	
719	Bùi Công	Thành	06/05/1987	TP. Hà Nội	
720	Nguyễn Hữu	Thành	14/04/1995	TP. Hà Nội	
721	Đỗ Trần	Thành	30/10/1996	TP. Hà Nội	
722	Mai Đình	Thành	20/12/1994	TP. Hà Nội	
723	Nguyễn Tiến	Thành	03/08/1995	TP. Hà Nội	
724	Mạc Phương	Thảo	25/3/1995	Quảng Ninh	
725	Trần Thị	Thảo	09/02/1998	TP. Hà Nội	
726	Phan Thị Phương	Thảo	28/07/1996	TP. Hà Nội	
727	Phạm Phương	Thảo	12/06/1997	TP. Hà Nội	
728	Hoàng Thị	Thảo	28/02/1995	TP. Hà Nội	
729	Nguyễn Thị	Thảo	16/07/1999	TP. Hà Nội	
730	Đình Nguyễn Phương	Thảo	14/03/1988	TP. Hà Nội	
731	Ninh Thu	Thảo	29/08/2000	TP. Hà Nội	
732	Vũ Thị Phương	Thảo	13/06/1998	TP. Hà Nội	
733	Lê Thị	Thảo	18/08/1995	TP. Hà Nội	
734	Trịnh Phương	Thảo	18/03/1994	TP. Hà Nội	
735	Hoàng Thu	Thảo	19/09/2001	TP. Hà Nội	
736	Đặng Phương	Thảo	18/08/2001	TP. Hà Nội	
737	Vũ Thị Phương	Thảo	26/02/2000	TP. Hà Nội	
738	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19/09/1999	TP. Hà Nội	
739	Nguyễn Thị	Thảo	20/10/2001	TP. Hà Nội	
740	Triệu Thị Hồng	Thị	13/06/2000	TP. Hà Nội	
741	Nguyễn Văn	Thiện	20/01/1987	Thanh Hóa	
742	Trần Quang	Thiện	26/11/1998	TP. Hà Nội	
743	Phạm Trung	Thiện	11/06/1999	TP. Hà Nội	
744	Nguyễn Tiến	Thịnh	22/01/1992	TP. Hà Nội	
745	Phạm Thị Minh	Thoa	30/05/1978	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
746	Phạm Thị	Thoa	27/05/1999	TP. Hà Nội	
747	Lê Thị	Thom	25/10/1986	Hung Yên	
748	Bùi Thị	Thom	26/01/1998	TP. Hà Nội	
749	Bùi Minh	Thông	26/02/1998	TP. Hà Nội	
750	Phạm Thị	Thu	18/05/1994	TP. Hà Nội	
751	Nguyễn Thị Hoài	Thu	18/11/1985	TP. Hà Nội	
752	Lê Thị Minh	Thu	17/02/1978	TP. Hà Nội	
753	Hoàng Thị	Thu	11/05/1991	TP. Hà Nội	
754	Đặng Huyền	Thu	29/08/1998	TP. Hà Nội	
755	Vũ Hoài	Thu	31/10/1998	TP. Hà Nội	
756	Lê Thị	Thu	10/04/1997	TP. Hà Nội	
757	Đặng Thị Hồng	Thu	28/02/2001	TP. Hà Nội	
758	Nguyễn Trung	Thu	08/10/1984	TP. Hà Nội	
759	Nguyễn Anh	Thư	16/01/1994	TP. Hà Nội	
760	Nguyễn Anh	Thư	14/07/2000	TP. Hà Nội	
761	Vũ Minh	Thuần	29/07/2001	TP. Hà Nội	
762	Nguyễn Thị	Thuận	22/12/2000	TP. Hà Nội	
763	Nguyễn Hữu	Thực	12/10/1961	TP. Hà Nội	
764	Nguyễn Thị Hồng	Thương	15/01/1997	TP. Hà Nội	
765	Đỗ Mai	Thương	28/05/2000	TP. Hà Nội	
766	Hoàng Thị Huyền	Thương	12/10/2001	TP. Hà Nội	
767	Nguyễn Thị Ánh	Thương	30/12/2001	TP. Hà Nội	
768	Phùng Triệu	Thương	15/10/2001	TP. Hà Nội	
769	Hồ Thị	Thúy	30/10/1998	TP. Hà Nội	
770	Trần Thị	Thúy	21/06/1989	TP. Hà Nội	
771	Tạ Thị Thanh	Thùy	21/03/1982	TP. Hà Nội	
772	Lê Thị	Thủy	24/11/1991	TP. Hà Nội	
773	Hoàng Phương	Thúy	18/8/1999	Thái Nguyên	
774	Phùng Thị	Thúy	16/07/1996	TP. Hà Nội	
775	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	07/06/2000	TP. Hà Nội	
776	Đỗ Thanh	Thúy	13/01/1991	TP. Hà Nội	
777	Phạm Thanh	Thùy	17/05/1997	TP. Hà Nội	
778	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	23/11/2000	TP. Hà Nội	
779	Bùi Thị Phương	Thùy	24/02/1998	TP. Hà Nội	
780	Vũ Thị	Thùy	14/11/2000	TP. Hà Nội	
781	Nguyễn Thị	Thùy	21/9/1987	Hung Yên	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
782	Trần Thị	Thùy	23/9/2001	TP. Hải Phòng	
783	Trần Thị	Thùy	27/11/1999	Bắc Ninh	
784	Lương Thị Thu	Thùy	20/04/2000	TP. Hà Nội	
785	Nguyễn Dương Thu	Thùy	02/10/2000	TP. Hà Nội	
786	Y Lê Thanh	Thùy	16/10/2000	TP. Hà Nội	
787	Lê Thị	Thùy	04/05/1985	TP. Hà Nội	
788	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	04/09/1994	TP. Hà Nội	
789	Nguyễn Phương	Thùy	24/01/1979	TP. Hà Nội	
790	Đặng Thị	Thùy	02/12/1982	TP. Hà Nội	
791	Lê Thị	Thùy	25/05/1995	TP. Hà Nội	
792	Vũ Thị Thu	Thùy	30/12/1997	TP. Hà Nội	
793	Nguyễn Văn	Tiến	05/09/1965	TP. Hà Nội	
794	Bùi Quang	Tiến	02/08/1981	TP. Hà Nội	
795	Trương Đình	Tiến	08/02/1997	TP. Hà Nội	
796	Lê Hữu	Tiến	06/02/1993	TP. Hà Nội	
797	Nguyễn Văn	Tiền	02/02/1993	TP. Hà Nội	
798	Chu Thị Tiểu	Tiếp	04/03/1999	TP. Hà Nội	
799	Nguyễn Thị	Toàn	01/09/1983	TP. Hà Nội	
800	Hoàng Thị	Toàn	26/3/2000	Nghệ An	
801	Nguyễn Hữu	Toàn	26/08/1998	TP. Hà Nội	
802	Nguyễn Đức	Toàn	28/10/2001	TP. Hà Nội	
803	Trần Thị Thanh	Trà	25/06/1991	TP. Hà Nội	
804	Nguyễn Ngọc	Trâm	27/01/1998	TP. Hà Nội	
805	Phạm Thị Ngọc	Trâm	01/01/2000	TP. Hà Nội	
806	Phạm Thị Thu	Trang	28/02/1984	Hung Yên	
807	Lê Thị Huyền	Trang	28/02/1995	Thanh Hóa	
808	Trần Thị Thùy	Trang	12/10/1998	TP. Hải Phòng	
809	Nguyễn Thị	Trang	06/12/2000	TP. Hà Nội	
810	Phan Thị Huyền	Trang	25/12/2000	Phú Thọ	
811	Nguyễn Thị Minh	Trang	20/12/1991	TP. Hà Nội	
812	Phùng Thị Huyền	Trang	26/06/1999	TP. Hà Nội	
813	Vũ Thị Huyền	Trang	03/06/1995	TP. Hà Nội	
814	Phạm Thu	Trang	02/11/2000	TP. Hà Nội	
815	Diêm Thị Thu	Trang	28/06/1998	TP. Hà Nội	
816	Nguyễn Thu	Trang	01/07/1997	TP. Hà Nội	
817	Nguyễn Thùy	Trang	24/05/1999	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
818	Đàm Thị	Trang	26/02/1993	TP. Hà Nội	
819	Nguyễn Thị Thu	Trang	03/07/1996	TP. Hà Nội	
820	Tạ Thị Hương	Trang	26/02/1993	TP. Hà Nội	
821	Hoàng Thị	Trang	15/07/1997	TP. Hà Nội	
822	Hà Thanh	Trang	18/11/2001	TP. Hà Nội	
823	Hoàng Thị Thu	Trang	25/08/2000	TP. Hà Nội	
824	Trịnh Thị	Trang	29/04/2000	TP. Hà Nội	
825	Nguyễn Thị Tuyết	Trang	02/01/1998	TP. Hà Nội	
826	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/10/2000	TP. Hà Nội	
827	Phạm Huyền	Trang	07/04/1998	TP. Hà Nội	
828	Văn Thị Quỳnh	Trang	18/05/1998	TP. Hà Nội	
829	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	28/08/1998	TP. Hà Nội	
830	Tô Thị	Trang	09/04/1999	TP. Hà Nội	
831	Vũ Hà	Trang	21/08/2001	TP. Hà Nội	
832	Nguyễn Thu	Trang	02/02/2000	TP. Hà Nội	
833	Lê Thùy	Trang	26/01/2001	TP. Hà Nội	
834	Nguyễn Thị Vân	Trang	14/07/2000	TP. Hà Nội	
835	Lại Thị Huyền	Trang	19/06/1998	TP. Hà Nội	
836	Bùi Thục	Trinh	22/11/1997	TP. Hà Nội	
837	Nguyễn Kiều	Trinh	05/04/2000	TP. Hà Nội	
838	Lê Kiều	Trinh	27/06/2000	TP. Hà Nội	
839	Nguyễn Văn	Trinh	10/08/1982	TP. Hà Nội	
840	Dương Thị Việt	Trinh	03/10/1993	TP. Hà Nội	
841	Nguyễn Đình	Trọng	25/05/1994	TP. Hà Nội	
842	Đỗ Xuân	Trung	26/5/1982	Thanh Hóa	
843	Nguyễn Văn	Trung	27/10/1997	Nghệ An	
844	Đặng Việt	Trung	19/12/1999	Nghệ An	
845	Nguyễn Đức	Trung	01/02/1996	TP. Hà Nội	
846	Ngô Quốc	Trung	17/12/1996	TP. Hà Nội	
847	Phạm Quang	Trung	05/12/2001	TP. Hà Nội	
848	Ninh Đình	Trung	30/05/1994	TP. Hà Nội	
849	Phạm Lê Minh	Trung	18/12/2001	TP. Hà Nội	
850	Lưu Tiến	Trung	20/10/1984	TP. Hà Nội	
851	Nguyễn Đình	Trung	21/07/1999	TP. Hà Nội	
852	Hoàng Văn	Trưởng	14/6/1978	Hung Yên	
853	Nguyễn Quốc	Trưởng	06/05/1984	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
854	Nguyễn Quang	Trường	16/09/1995	TP. Hà Nội	
855	Nguyễn Ngọc	Tú	02/04/1985	TP. Hà Nội	
856	Hà Anh	Tú	04/12/1984	TP. Hà Nội	
857	Lê Thị Cẩm	Tú	08/02/1988	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
858	Nguyễn Cẩm	Tú	17/11/1999	TP. Hà Nội	
859	Nguyễn Cẩm	Tú	01/09/2001	TP. Hà Nội	
860	Nguyễn Thị Minh	Tú	02/10/1997	TP. Hà Nội	
861	Nguyễn Minh	Tuấn	03/05/1995	TP. Hà Nội	
862	Đỗ Mạnh	Tuấn	02/09/2000	TP. Hà Nội	
863	Vũ Ngọc	Tuấn	04/06/1992	TP. Hà Nội	
864	Phạm Thanh	Tuấn	26/10/1997	TP. Hà Nội	
865	Lê Quang	Tuấn	19/10/1996	TP. Hà Nội	
866	Lê Anh	Tuấn	12/09/2001	TP. Hà Nội	
867	Đặng Văn	Tùng	08/12/1995	TP. Hà Nội	
868	Bùi Sơn	Tùng	07/01/2000	TP. Hà Nội	
869	Nguyễn Minh	Tùng	12/10/1993	TP. Hà Nội	
870	Trần Nam	Tùng	28/02/1986	TP. Hà Nội	
871	Lương Bá	Tùng	12/10/1994	TP. Hà Nội	
872	Trương Công	Tuyên	24/12/1985	TP. Hà Nội	
873	Nguyễn Văn	Tuyên	18/03/2000	TP. Hà Nội	
874	Phạm Thị	Tuyên	26/12/1994	TP. Hà Nội	
875	Trần Thị	Tuyên	30/8/1988	Phú Thọ	
876	Ngô Thị	Tuyên	16/9/1998	Lạng Sơn	
877	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	21/01/1992	Phú Thọ	
878	Phạm Bạch	Tuyết	13/12/1996	TP. Hà Nội	
879	Nguyễn Thị Thanh	Tuyết	23/05/1999	TP. Hà Nội	
880	Trần Thu	Uyên	17/9/2000	Phú Thọ	
881	Ngô Hoàng Thảo	Uyên	03/01/1999	TP. Hà Nội	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
882	Lê Vũ Thanh	Uyên	15/12/1990	TP. Hà Nội	
883	Nguyễn Thị	Uyên	06/07/1994	TP. Hà Nội	
884	Nguyễn Thị	Uyên	18/05/1990	TP. Hà Nội	
885	Nguyễn Thanh	Uyên	12/10/1998	TP. Hà Nội	
886	Nguyễn Thị Hồng	Vân	14/02/2001	Bắc Ninh	
887	Vũ Thị	Vân	19/05/1996	TP. Hà Nội	
888	Trần Thị	Vân	21/12/2000	TP. Hà Nội	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
889	Bùi Bích	Vân	15/10/1993	TP. Hà Nội	
890	Đặng Hải	Vân	28/11/1996	TP. Hà Nội	
891	Nguyễn Thị	Vân	06/11/1997	TP. Hà Nội	
892	Chu Thị Hồng	Vân	14/08/1972	TP. Hà Nội	
893	Nguyễn Vũ Thảo	Vi	06/10/2000	TP. Hà Nội	
894	Đỗ Thế	Viết	08/04/1994	TP. Hà Nội	
895	Hoàng Bá	Viết	24/12/1951	TP. Hà Nội	
896	Nguyễn Công	Vinh	06/01/1974	TP. Hải Phòng	
897	Đào Tiên	Vinh	07/12/1994	TP. Hà Nội	
898	Nguyễn Quang	Vinh	17/07/1998	TP. Hà Nội	
899	Nguyễn Quang	Vinh	13/10/1971	TP. Hà Nội	
900	Hoàng Văn	Vinh	12/11/1999	TP. Hà Nội	
901	Nguyễn Đình	Võ	18/11/1981	Hung Yên	
902	Trần Thanh	Vũ	10/4/2000	TP. Huế	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
903	Phạm Tuấn	Vũ	22/08/1997	Quảng Ninh	
904	Đàm Xuân	Vũ	18/01/2001	TP. Hà Nội	
905	Đào Thị	Xuân	15/6/1997	Quảng Ninh	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
906	Nguyễn Thanh	Xuân	10/08/1981	TP. Hà Nội	
907	Lưu Khã	Ý	25/6/2000	TP. Huế	Xin chuyển vào dự thi tại TP. HCM
908	Trần Như	Ý	13/11/2001	TP. Hà Nội	
909	Ngô Thị	Yên	06/11/1973	TP. Hải Phòng	
910	Đoàn Thị Hải	Yên	16/01/1982	TP. Hải Phòng	
911	Phạm Thị Hải	Yên	30/11/1990	TP. Hà Nội	
912	Lê Nguyễn Hoàng	Yên	10/06/2000	TP. Hà Nội	
913	Dương Thị	Yên	07/10/1992	TP. Hà Nội	
914	Vũ Thị Thu	Yên	01/10/2001	TP. Hà Nội	
915	Nguyễn Thị	Yên	24/07/1989	TP. Hà Nội	
916	Nguyễn Thị	Yên	17/11/2000	TP. Hà Nội	
917	Nguyễn Thị Hồng	Yên	04/09/1985	TP. Hà Nội	
918	Võ Thanh	Yên	08/08/2001	TP. Hà Nội	

**Ghi chú:** Thí sinh cần đính chính thông tin vui lòng liên hệ Ban Thư ký qua địa chỉ email: [nga.ct@liendoanluatsu.org.vn](mailto:nga.ct@liendoanluatsu.org.vn)

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Phụ lục 2

**DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ  
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2026 KHU VỰC PHÍA BẮC**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 11 /TB-HĐKT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng kiểm tra)

STT	Họ tên	Ngày sinh	ĐLS	Lý do
1	Nguyễn Tiến Hải	07/3/1969	Phú Thọ	Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra và thời gian tập sự chưa đúng quy định của TT số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp và quy định của Hội đồng kiểm tra (Báo cáo không đủ các nội dung của PL số 2 và không có tài liệu chứng minh thuộc trường hợp giảm thời gian tập sự, GCN tập sự của Đoàn ký ngày 22/10/2025 ghi ngày đăng ký tập sự từ ngày 22/10/2025 và không thể hiện nội dung NTS được giảm thời gian tập sự, theo đó đến ngày 22/10/2026 mới đủ 12 tháng)
2	Đình Văn Linh	22/09/1988	TP. Hà Nội	Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra không đúng quy định (NTS thuộc trường hợp không đủ điều kiện tham dự kiểm tra đợt 2 năm 2025. Theo quy định tại TB số 01/TB-HĐKT ngày 11/02/2026, NTS phải làm hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra như thí sinh đăng ký tham dự kiểm tra lần đầu nhưng NTS chỉ nộp hồ sơ đăng ký dự kiểm tra của thí sinh thi lại/hoãn thi)
3	Đặng Thị Ngọc Mỹ	26/8/2001	Ninh Bình	Luật sư hướng dẫn nhận hướng dẫn NTS khi chưa đủ 3 năm kinh nghiệm hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Luật sư (LSHD Đình Thị Bích Ngọc có Số Thẻ Luật sư 18631, cấp lần đầu ngày 12/10/2022, đến ngày 07/3/2025 đã nhận hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư)
4	Võ Anh Tuấn	22/10/1997	Hà Tĩnh	Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra không đúng quy định của TT số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp và quy định của Hội đồng kiểm tra (Thiếu CV đề nghị của ĐLS, Phiếu ĐK, GCN tập sự và Bản sao Bằng Cử nhân Luật; Báo cáo: Xác nhận thời gian tập sự của LSHD (03/6/2024-03/6/2025) và thời gian NTS thể hiện trong hồ sơ (01/3/2025-01/3/2026) chưa thống nhất; SNK: Không có xác nhận của LSHD và TCHN, không có bảng theo dõi tập sự theo tuần đảm bảo tối thiểu 20h/tuần theo quy định)

STT	Họ tên		Ngày sinh	ĐLS	Lý do
5	Võ Duy Kiên	Sơn	05/11/1993	TP. Hà Nội	Người tập sự đã tham dự kiểm tra 3 lần vào các đợt 2.2023, 2.2024, 2.2025 có kết quả không đạt và chưa tập sự lại theo quy định khoản 5 Điều 15 của Thông tư số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp
6	Nguyễn Văn	Hồng	03/02/2001	Phú Thọ	ĐLS có CV đề nghị cho tham dự kiểm tra nhưng NTS không nộp hồ sơ theo quy định
7	Đặng Thị Phương	Ngân	01/11/1989	Phú Thọ	ĐLS có CV đề nghị cho tham dự kiểm tra nhưng NTS không nộp hồ sơ theo quy định
8	Nguyễn Hữu	Sơn	20/10/1976	Nghệ An	ĐLS có CV đề nghị cho tham dự kiểm tra nhưng NTS không nộp hồ sơ theo quy định



LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ  
ĐỢT 1 NĂM 2026

Phụ lục 3

DANH SÁCH NGƯỜI TẬP SỰ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ  
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ  
ĐỢT 1 NĂM 2026 KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 11/TB-HĐKT ngày 28 tháng 4 năm 2026  
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1 năm 2026)

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1	Nguyễn Trung	Á	11/06/1973	TP.HCM	
2	Trần Khả	Ái	08/07/2001	TP.HCM	
3	Nguyễn Hoàng	An	20/10/1974	Vĩnh Long	
4	Nguyễn Thị Phương	An	28/04/2000	TP.HCM	
5	Nguyễn Thị Thúy	An	01/08/1999	TP.HCM	
6	Nguyễn Thúy	An	12/07/1997	TP.HCM	
7	Nguyễn Thúy	An	26/02/1996	TP.HCM	
8	Nguyễn Văn	An	27/09/1998	TP.HCM	
9	Trương Phước	An	29/06/2001	TP.HCM	
10	Hồ Thị Tri	Ân	17/04/2000	Tây Ninh	
11	Huỳnh Văn	Ân	10/04/1997	Đà Nẵng	
12	Ngô Thiện	Ân	20/11/1999	TP.HCM	
13	Võ Hoàng	Ân	28/08/1995	TP.HCM	
14	Trần Văn	Ân	23/09/1992	Cần Thơ	
15	Đặng Ngọc Quỳnh	Anh	04/02/2000	Vĩnh Long	
16	Đặng Phương	Anh	19/09/1996	Cà Mau	
17	Đỗ Hoàng	Anh	06/03/1996	Đắk Lắk	
18	Đỗ Tiến	Anh	06/03/1999	Đắk Lắk	
19	Dương Thị Hoài	Anh	01/01/2000	TP.HCM	
20	Khổng Quỳnh	Anh	27/12/1996	TP.HCM	
21	Lê Công Tuấn	Anh	21/04/2000	TP.HCM	
22	Lê Doãn Mai	Anh	01/10/1975	TP.HCM	
23	Lê Hồng	Anh	25/04/1977	TP.HCM	
24	Lê Tuấn	Anh	07/01/1998	TP.HCM	
25	Mạc Hải	Anh	23/03/1998	TP.HCM	
26	Nguyễn Hữu	Anh	05/02/1985	TP.HCM	
27	Nguyễn Lê Phương	Anh	01/03/1994	TP.HCM	
28	Nguyễn Ngọc	Anh	04/10/2001	TP.HCM	
29	Nguyễn Ngọc Quế	Anh	27/09/2000	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
30	Nguyễn Thị Hồng	Anh	05/04/1999	TP.HCM	
31	Nguyễn Thị Kiều	Anh	14/10/1989	TP.HCM	
32	Nguyễn Thị Kim	Anh	28/09/2000	TP.HCM	
33	Nguyễn Thị Kim	Anh	15/03/1999	Đồng Nai	
34	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/09/1998	TP.HCM	
35	Nguyễn Thị Lan	Anh	03/03/2001	Đà Nẵng	
36	Nguyễn Thị Mai	Anh	10/04/1999	TP.HCM	
37	Nguyễn Thị Minh	Anh	05/11/2000	TP.HCM	
38	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/04/2000	TP.HCM	
39	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/12/1981	TP.HCM	
40	Nguyễn Trang	Anh	26/10/2000	TP.HCM	
41	Nguyễn Tuấn	Anh	08/05/1997	TP.HCM	
42	Nguyễn Tuấn	Anh	04/05/1997	Đồng Nai	
43	Nguyễn Văn	Anh	10/06/1979	Đắk Lắk	
44	Phạm Ngọc Ngân	Anh	25/08/2001	TP.HCM	
45	Phạm Thị Phương	Anh	10/07/1992	TP.HCM	
46	Phan Dương Hoàng	Anh	07/05/2000	TP.HCM	
47	Thái Thị Hoàng	Anh	20/05/1996	TP.HCM	
48	Trần Duy	Anh	18/02/2001	TP.HCM	
49	Trần Duy	Anh	11/02/1994	TP.HCM	
50	Trần Lê Văn	Anh	26/10/1995	TP.HCM	
51	Trần Thị Trâm	Anh	16/03/1997	Cà Mau	
52	Trịnh Quang Trí	Anh	01/01/1997	TP.HCM	
53	Trịnh Thu	Anh	14/09/1986	TP.HCM	
54	Trương Văn	Anh	14/01/2000	TP.HCM	
55	Võ Thị Quế	Anh	16/02/1996	TP.HCM	
56	Võ Thị Trâm	Anh	24/04/2000	TP.HCM	
57	Võ Tiến	Anh	28/11/1986	TP.HCM	
58	Võ Trương Ngọc	Anh	06/11/1997	Lâm Đồng	
59	Võ Tuấn	Anh	19/10/1984	Cần Thơ	
60	Vũ Thị	Anh	29/08/1996	TP.HCM	
61	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	28/12/1999	TP.HCM	
62	Nguyễn Thị	Ánh	13/06/2000	Đà Nẵng	
63	Trịnh Thị	Ánh	26/06/2000	Đắk Lắk	
64	Danh	Bằng	20/02/1982	Cần Thơ	
65	Phan Công	Bằng	22/12/1975	Vĩnh Long	
66	Lương Gia	Bảo	08/12/2000	TP.HCM	
67	Nguyễn Đại	Bảo	02/05/1997	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
68	Nguyễn Đình Thiên	Bảo	20/07/1996	TP.HCM	
69	Nguyễn Gia	Bảo	10/10/1996	TP.HCM	
70	Nguyễn Quốc	Bảo	14/10/2000	TP.HCM	
71	Mai Văn	Bé	01/01/1988	Cà Mau	
72	Huỳnh Thái	Bền	01/06/1996	TP.HCM	
73	Phan Xuân	Bính	16/01/1976	Đồng Nai	
74	Huỳnh Chí	Bình	10/07/1963	TP.HCM	
75	Lê Thị	Bình	02/01/1985	TP.HCM	
76	Phạm Quốc	Bình	18/03/1991	TP.HCM	
77	Văn Cảnh	Bình	10/10/1982	TP.HCM	
78	Vũ Văn	Bình	09/07/1985	Đồng Nai	
79	Trần Văn	Bộ	20/12/1983	Đồng Nai	
80	K'	BRÍSS	01/10/1988	TP.HCM	
81	Nguyễn Thị Ngọc	Cầm	23/09/1979	Lâm Đồng	
82	Nguyễn Văn	Cầm	26/04/1969	TP.HCM	
83	Nguyễn Hương Hồng	Cầm	11/01/2001	TP.HCM	
84	Vũ Thị	Cầm	04/01/1984	TP.HCM	
85	Vô Văn	Cần	05/01/2000	TP.HCM	
86	Nguyễn Quốc	Cần	30/12/1992	TP.HCM	
87	Lê Tấn	Cảnh	05/08/1998	TP.HCM	
88	Phan Trọng	Cầu	22/01/1956	TP.HCM	
89	Trần Võ Hữu	Chánh	07/12/1993	TP.HCM	
90	Cộng Bảo	Châu	08/05/1999	Đồng Nai	
91	Huỳnh Ngọc	Châu	21/11/2000	TP.HCM	
92	Lê Ngọc	Châu	03/06/2000	TP.HCM	
93	Nguyễn Thị Minh	Châu	25/05/1965	Cần Thơ	
94	Phạm Trương Ngọc	Châu	07/10/1998	TP.HCM	
95	Phan Lương Đăng	Châu	27/03/1999	TP.HCM	
96	Trương Hồng Minh	Châu	19/09/1997	TP.HCM	
97	Trương Minh	Châu	26/12/2000	TP.HCM	
98	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	TP.HCM	
99	Nguyễn Thị Minh	Chi	06/05/1996	TP.HCM	
100	Nguyễn Trúc	Chi	19/01/1968	TP.HCM	
101	Quách Thị Ngọc	Chi	05/05/1998	Vĩnh Long	
102	Vũ Thị Quyên	Chi	08/09/1997	Đắk Lắk	
103	Bùi Minh	Chiến	21/05/1997	TP.HCM	
104	Bùi Ngọc	Chiến	18/05/1986	TP.HCM	
105	Phạm Thế	Chiến	08/01/1994	Đồng Nai	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
106	Ngô	Chín	11/12/1962	TP.HCM	
107	Đặng Trường	Chinh	01/01/1974	TP.HCM	
108	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	TP.HCM	
109	Trần Việt	Chung	19/05/1994	Đồng Nai	
110	Đoàn Đình	Chương	16/09/1979	Đà Nẵng	
111	Lê Dương Đình	Chương	22/04/1986	TP.HCM	
112	Phạm Trần Vũ	Chương	05/01/1991	Đồng Nai	
113	Nguyễn Minh	Cơ	08/07/1996	TP.HCM	
114	Huỳnh Bá	Công	12/05/1980	Cần Thơ	
115	Nguyễn Kim	Cúc	03/06/2000	TP.HCM	
116	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	26/01/1981	TP.HCM	
117	Nguyễn Thị	Cương	13/12/1992	TP.HCM	
118	Nguyễn Việt	Cương	23/09/1983	TP.HCM	
119	Đỗ Trần Duy	Cường	03/07/1991	TP.HCM	
120	Lâm Quốc	Cường	13/04/1977	Tây Ninh	
121	Lê Văn	Cường	19/02/1980	Cần Thơ	
122	Nguyễn Hữu Mạnh	Cường	12/10/2000	TP.HCM	
123	Nguyễn Văn	Cường	15/04/1989	TP.HCM	
124	Phạm Hùng	Cường	22/09/1991	TP.HCM	
125	Tạ Minh	Cường	09/09/2000	TP.HCM	
126	Trương Mạnh	Cường	24/10/1982	TP.HCM	
127	Lê Tuyết Phương	Đài	13/09/2000	TP.HCM	
128	Lê Văn	Đại	09/01/1991	Cần Thơ	
129	Vũ Thành	Đại	15/06/2000	TP.HCM	
130	Châu Thị Thúy	Dàng	20/03/1996	TP.HCM	
131	Huỳnh Thị Hoa	Đặng	22/09/2000	TP.HCM	
132	Nguyễn Văn Hải	Đặng	03/12/1998	TP.HCM	
133	Nguyễn Thanh	Đặng	04/01/1985	An Giang	
134	Hồ Ngọc	Danh	21/02/2000	Đắk Lắk	
135	Trần Công	Danh	03/11/1992	TP.HCM	
136	Đình Quỳnh	Dao	21/04/2001	Vĩnh Long	
137	Huỳnh Thị	Đào	08/08/1999	TP.HCM	
138	Nguyễn Anh	Đào	01/01/1982	TP.HCM	
139	Thái Anh	Đào	14/08/1982	TP.HCM	
140	Cao Văn	Đạt	02/07/1994	TP.HCM	
141	Hà Phúc	Đạt	10/02/2000	Cà Mau	
142	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	TP.HCM	
143	Lê Thành	Đạt	21/07/1998	Đà Nẵng	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
144	Lý Thành	Đạt	08/06/2001	Tây Ninh	
145	Nguyễn Bá	Đạt	15/08/1989	Cần Thơ	
146	Nguyễn Tấn	Đạt	03/10/1999	TP.HCM	
147	Nguyễn Tấn	Đạt	31/07/1995	TP.HCM	
148	Nguyễn Thành	Đạt	20/07/2000	TP.HCM	
149	Nguyễn Thành	Đạt	04/01/2000	TP.HCM	
150	Nguyễn Tiến	Đạt	13/08/1993	TP.HCM	
151	Phan Tuấn	Đạt	01/09/1999	TP.HCM	
152	Trần Tấn	Đạt	02/07/1996	Cần Thơ	
153	Trần văn	Đạt	04/08/1981	TP.HCM	
154	Nguyễn Văn	Đấu	04/03/1992	Cần Thơ	
155	Nguyễn Vĩnh	Đầy	01/01/1984	Vĩnh Long	
156	Lê Thị	Đẹp	12/11/1999	Cà Mau	
157	Nguyễn Bùi Hoài	Diễm	28/02/1999	TP.HCM	
158	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	01/10/1994	Tây Ninh	
159	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	08/05/1992	TP.HCM	
160	Tôn Nữ Quý	Diễm	27/04/1996	TP.HCM	
161	Võ Thị Thu	Diễm	04/07/1996	Đà Nẵng	
162	Nguyễn Thị Như	Diễm	05/06/1999	TP.HCM	
163	Dương Nhật	Diên	10/10/1987	Đồng Tháp	
164	Hồ Vũ Minh	Diên	02/05/1995	TP.HCM	
165	Nguyễn Anh	Diên	12/02/1997	Đồng Tháp	
166	Nguyễn Nhật Huyền	Diệp	07/11/2001	TP.HCM	
167	Đỗ Xuân	Diệu	20/12/1996	Đồng Nai	
168	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	30/07/1993	TP.HCM	
169	Trần Quang	Diệu	18/09/1989	TP.HCM	
170	Lưu Bích	Dinh	24/05/1975	TP.HCM	
171	Tôn Thất	Đinh	17/09/1992	TP.HCM	
172	Trần Thanh	Do	21/05/1977	Cà Mau	
173	Châu Phi	Đô	09/07/1976	Cà Mau	
174	Tấn Trúc Hạnh	Đoan	13/11/2000	TP.HCM	
175	Trần Văn	Đông	30/04/1968	Cà Mau	
176	Lê Văn	Đông	08/04/1994	Đắk Lắk	
177	Nguyễn Thành	Đông	01/05/1983	TP.HCM	
178	Huỳnh Thị	Đủ	24/03/1991	Cần Thơ	
179	Cao Văn	Đức	01/11/2000	TP.HCM	
180	Huỳnh Hữu	Đức	13/09/1999	TP.HCM	
181	Lê Minh	Đức	19/02/2000	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
182	Nguyễn Hoàng Anh	Đức	17/07/1985	Tây Ninh	
183	Nguyễn Hữu Minh	Đức	06/02/1981	TP.HCM	
184	Trần Ngọc	Đức	24/02/1997	TP.HCM	
185	Bùi Thị Ngọc	Dung	25/10/2000	TP.HCM	
186	Lê Phạm Quỳnh	Dung	05/01/1999	TP.HCM	
187	Nguyễn Diệp Hạnh	Dung	04/10/1999	TP.HCM	
188	Nguyễn Thị	Dung	22/08/1995	TP.HCM	
189	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	11/03/2000	TP.HCM	
190	Nguyễn Thị Phương	Dung	02/09/1991	TP.HCM	
191	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/09/1998	Đắk Lắk	
192	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/09/2000	TP.HCM	
193	Trần Hoàng Phương	Dung	21/04/1999	Đồng Nai	
194	Đỗ Quốc	Dũng	23/09/1997	TP.HCM	
195	Duy Trí	Dũng	28/12/2001	Đà Nẵng	
196	Hà Xuân	Dũng	12/03/1989	TP.HCM	
197	Lê Anh	Dũng	07/12/1972	TP.HCM	
198	Lê Sỹ	Dũng	13/05/2000	TP.HCM	
199	Nguyễn Quốc	Dũng	22/08/1995	TP.HCM	
200	Nguyễn Văn	Dũng	19/03/1984	TP.HCM	
201	Phạm Tiến	Dũng	23/09/1987	TP.HCM	
202	Phạm Tiến	Dũng	03/10/1978	TP.HCM	
203	Phan Minh	Dũng	14/09/1995	TP.HCM	
204	Phan Tiến	Dũng	12/07/2000	Đồng Nai	
205	Phan Văn	Dũng	25/12/2001	TP.HCM	
206	Trần Quốc	Dũng	26/03/1971	TP.HCM	
207	Trương Quốc	Dũng	02/01/1973	Đồng Nai	
208	Dương Ngọc Thùy	Dương	01/01/1996	TP.HCM	
209	Lê Thùy	Dương	04/06/1994	TP.HCM	
210	Mai Đình	Dương	18/06/1986	TP.HCM	
211	Ngô Minh	Dương	01/01/1992	TP.HCM	
212	Ngô Thị Thùy	Dương	09/12/2000	TP.HCM	
213	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19/03/1998	TP.HCM	
214	Nguyễn Thế	Dương	06/09/1989	TP.HCM	
215	Nguyễn Thị Thùy	Dương	04/12/2000	TP.HCM	
216	Phạm Thị Thùy	Dương	13/06/1991	Đồng Nai	
217	Tô Quang	Dương	02/08/1997	TP.HCM	
218	Trần Quốc	Dương	12/05/1999	TP.HCM	
219	Phạm Thị	Dương	12/10/1991	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
220	Bùi Đăng	Duy	06/10/1984	Đồng Nai	
221	Đinh Nguyễn Lâm	Duy	01/04/1980	TP.HCM	
222	Huỳnh Yên	Duy	14/03/2000	Cần Thơ	
223	Mai Lê	Duy	09/05/1997	Cần Thơ	
224	Nguyễn Nhật	Duy	15/03/2000	Đà Nẵng	
225	Nguyễn Vũ Khánh	Duy	06/10/1996	Vĩnh Long	
226	Thái Minh	Duy	02/05/1982	TP.HCM	
227	Trần Phước	Duy	26/04/1997	TP.HCM	
228	Vòng Lập	Duy	09/06/1994	TP.HCM	
229	Đồng Trần Thị Thảo	Duyên	23/07/1995	TP.HCM	
230	Dương Nguyễn Nhã	Duyên	10/08/1995	Vĩnh Long	
231	Lê Thị Mỹ	Duyên	04/12/1995	TP.HCM	
232	Ngô Thị	Duyên	02/10/1992	TP.HCM	
233	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	11/03/1993	TP.HCM	
234	Nguyễn Thảo	Duyên	17/07/2000	TP.HCM	
235	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	19/09/1987	Cần Thơ	
236	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/04/2000	TP.HCM	
237	Phan Thị Mỹ	Duyên	16/09/2001	Đồng Nai	
238	Trần Thị Kim	Duyên	15/02/1999	TP.HCM	
239	Võ Nguyên Hữu	Duyên	02/09/1989	TP.HCM	
240	Vũ Thị Kiều	Duyên	27/04/1995	TP.HCM	
241	Huỳnh Công	Ga	29/05/1974	Đồng Tháp	
242	Trần Thị Hồng	Gám	18/08/1986	TP.HCM	
243	Chu Trường	Giang	11/04/1998	TP.HCM	
244	Lê Thị Hương	Giang	10/03/1986	Đắk Lắk	
245	Nguyễn Hoài	Giang	08/05/1986	Cần Thơ	
246	Nguyễn Hương	Giang	30/09/1995	TP.HCM	
247	Nguyễn Nhật Phương	Giang	25/05/1987	TP.HCM	
248	Nguyễn Trịnh Nhật	Giang	25/08/1991	TP.HCM	
249	Nguyễn Trường	Giang	16/07/1993	An Giang	
250	Phan Khánh	Giang	15/03/1999	TP.HCM	
251	Phan Thị Hương	Giang	25/12/1995	TP.HCM	
252	Trần Nguyễn Sơn	Giang	03/11/2000	TP.HCM	
253	Trương Hoàng	Giang	10/10/1980	TP.HCM	
254	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	01/01/1990	TP.HCM	
255	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	TP.HCM	
256	Bùi Mạnh	Hà	18/02/1991	TP.HCM	
257	Đặng Văn	Hà	05/05/1986	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
258	Đỗ Thị Mai Hoàng	Hà	29/11/1990	TP.HCM	
259	Lương Thị	Hà	28/01/1995	TP.HCM	
260	Mai Thị Cẩm	Hà	13/11/2000	TP.HCM	
261	Mai Thị Thu	Hà	07/11/2000	TP.HCM	
262	Mai Văn	Hà	16/10/1967	TP.HCM	
263	Ngô Thị Nguyệt	Hà	10/09/1998	TP.HCM	
264	Nguyễn Nhị	Hà	23/12/1997	TP.HCM	
265	Nguyễn Thanh	Hà	16/08/1989	Đồng Tháp	
266	Nguyễn Thị	Hà	08/11/1987	TP.HCM	
267	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/05/1982	Khánh Hòa	Xin thi KV P.Bắc
268	Nguyễn Trần Diệu	Hà	27/08/1993	TP.HCM	
269	Phạm Quốc	Hà	13/04/1986	Lâm Đồng	
270	Phạm Thị Nhi Phương	Hà	16/08/1997	TP.HCM	
271	Phạm Thị Thu	Hà	19/09/1983	TP.HCM	
272	Phan Thanh	Hà	16/05/1984	TP.HCM	
273	Trần Phạm Thanh	Hà	03/04/1999	TP.HCM	
274	Trần Thị Thanh	Hà	26/06/2000	Đồng Nai	
275	Bùi Thị Bạch	Hải	22/08/1970	TP.HCM	
276	Hồ Sỹ	Hải	21/08/1983	Đắk Lắk	
277	Hồ Việt	Hải	15/06/1985	Gia Lai	
278	Hoàng Văn	Hải	26/08/1986	TP.HCM	
279	Lê Minh	Hải	10/12/1993	TP.HCM	
280	Lê Thanh	Hải	26/09/1972	TP.HCM	
281	Lê Trương Sơn	Hải	06/06/1993	TP.HCM	
282	Mai Tuấn	Hải	01/06/1996	TP.HCM	
283	Phạm Văn	Hải	12/03/1969	Tây Ninh	
284	Phan Phụng Đức	Hải	02/01/1989	TP.HCM	
285	Trần Công	Hải	08/06/1987	TP.HCM	
286	Trần Tấn	Hải	25/11/1997	Đà Nẵng	
287	Võ Thị Minh	Hải	26/06/1999	TP.HCM	
288	Nguyễn Tiểu Mỹ	Hàn	13/06/1996	Đắk Lắk	
289	Lê Hoàng Ngọc	Hân	02/12/1999	TP.HCM	
290	Lê Nguyễn Bảo	Hân	25/02/1997	TP.HCM	
291	Lưu Gia	Hân	10/02/1999	TP.HCM	
292	Ngô Hoàng Gia	Hân	15/05/2000	TP.HCM	
293	Phạm Ngọc	Hân	20/11/2000	TP.HCM	
294	Phan Châu Thu	Hân	10/12/2000	TP.HCM	
295	Từ Gia	Hân	01/02/1998	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
296	Đặng Thúy	Hằng	28/09/1996	TP.HCM	
297	Giáp Mai	Hằng	26/09/1996	TP.HCM	
298	Lê Thị	Hằng	20/11/1998	TP.HCM	
299	Lê Thị Phương	Hằng	20/08/1994	TP.HCM	
300	Lê Thị Thu	Hằng	10/10/1980	Cần Thơ	
301	Lê Thúy	Hằng	19/09/1979	TP.HCM	
302	Nguyễn Lê	Hằng	05/03/1987	TP.HCM	
303	Nguyễn Thị	Hằng	26/10/1997	TP.HCM	
304	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	20/06/2000	TP.HCM	
305	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	25/07/2000	Đắk Lắk	
306	Phạm Minh	Hằng	14/01/2001	TP.HCM	
307	Trần Thị Cẩm	Hằng	04/08/1997	TP.HCM	
308	Trần Thu	Hằng	12/08/1997	TP.HCM	
309	Trần Việt	Hằng	12/12/1999	Đà Nẵng	
310	Cao Thị Mỹ	Hạnh	10/10/2000	TP.HCM	
311	Huỳnh Hiếu	Hạnh	15/03/2000	TP.HCM	
312	Lê Nguyên	Hạnh	25/12/1998	TP.HCM	
313	Ngô Thị	Hạnh	10/06/1999	TP.HCM	
314	Nguyễn Thị	Hạnh	08/11/1986	TP.HCM	
315	Nguyễn Thị	Hạnh	13/04/2000	TP.HCM	
316	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17/11/2000	TP.HCM	
317	Phạm Nguyễn Ngân	Hạnh	27/09/1996	TP.HCM	
318	Phạm Thị Hồng	Hạnh	10/03/1991	TP.HCM	
319	Trương Thị Mỹ	Hạnh	05/08/1986	TP.HCM	
320	Văn Thị Mỹ	Hạnh	26/04/1991	Đắk Lắk	
321	Võ Thị Thanh	Hảo	20/06/2000	TP.HCM	
322	Võ Tố Hoa	Hảo	19/02/1995	TP.HCM	
323	Lê Thành	Hậu	24/11/1989	TP.HCM	
324	Lê Thị	Hậu	09/06/1995	TP.HCM	
325	Nguyễn Thanh	Hậu	05/07/1992	Gia Lai	
326	Nguyễn Thị Hải	Hậu	07/11/1977	TP.HCM	
327	Vương Quốc	Hậu	03/01/2000	TP.HCM	
328	Đặng Thị	Hiền	04/04/1998	TP.HCM	
329	Đinh Thị Thu	Hiền	15/09/2001	TP.HCM	
330	Hoàng Thị Khánh	Hiền	01/08/2001	TP.HCM	
331	Mai Diệu	Hiền	18/01/1998	TP.HCM	
332	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	31/05/1999	TP.HCM	
333	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/02/1996	Đắk Lắk	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
334	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	28/07/1976	TP.HCM	
335	Nguyễn Vũ Minh	Hiền	29/08/2000	TP.HCM	
336	Trần Thị Thanh	Hiền	24/11/1992	TP.HCM	
337	Trương Thị	Hiền	05/07/2000	TP.HCM	
338	Vũ Trọng	Hiền	19/06/1989	TP.HCM	
339	Nguyễn Văn	Hiền	25/01/1979	TP.HCM	
340	Đình Anh	Hiệp	10/11/1997	TP.HCM	
341	Đình Vũ	Hiệp	23/06/2000	TP.HCM	
342	Trần Thế	Hiệp	14/10/2001	TP.HCM	
343	Hồ Phạm Thanh	Hiếu	18/10/2000	Cần Thơ	
344	Hứa Huy	Hiếu	08/08/1998	TP.HCM	
345	Huỳnh Đỗ Trung	Hiếu	22/09/1999	TP.HCM	
346	Nguyễn Minh	Hiếu	20/04/1994	TP.HCM	
347	Nguyễn Quang	Hiếu	04/07/1998	TP.HCM	
348	Trần Minh	Hiếu	04/12/1995	An Giang	
349	Trần Trọng	Hiếu	23/03/1974	Tây Ninh	
350	Vũ Văn	Hình	07/06/1981	Gia Lai	
351	Lương Thị	Hoa	14/06/1999	Đà Nẵng	
352	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hoa	10/08/2000	TP.HCM	
353	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	08/10/1993	TP.HCM	
354	Phan Sĩ	Hóa	17/03/1992	TP.HCM	
355	Dương Ngọc Thái	Hòa	10/03/2000	TP.HCM	
356	Lê Tiến	Hòa	21/11/1994	TP.HCM	
357	Nguyễn Khánh	Hòa	24/11/1990	Đắk Lắk	
358	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	24/12/1994	TP.HCM	
359	Phan Anh	Hòa	18/04/1983	Khánh Hòa	
360	Phan Văn	Hòa	02/06/1963	TP.HCM	
361	Đông Nữ Xuân	Hoài	16/06/2001	TP.HCM	
362	Nguyễn Thị Thu	Hoài	20/01/1995	TP.HCM	
363	Võ Bá	Hoàn	08/10/2000	TP.HCM	
364	Tô Quang	Hoàn	11/05/1991	Lâm Đồng	
365	Bùi Việt	Hoàng	22/03/1986	TP.HCM	
366	Châu Quang	Hoàng	08/02/1994	TP.HCM	
367	Hồ Thị Xuân	Hoàng	06/06/1999	TP.HCM	
368	Mai Lâm	Hoàng	22/02/1981	TP.HCM	
369	Nguyễn Huy	Hoàng	04/06/1997	TP.HCM	
370	Nguyễn Huy	Hoàng	02/04/1996	Đồng Nai	
371	Nguyễn Huy	Hoàng	15/02/1983	Cần Thơ	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
372	Nguyễn Xuân	Hoàng	08/10/1984	TP.HCM	
373	Nguyễn Xuân	Hoàng	16/09/1979	Vĩnh Long	
374	Trần Bảo	Hoàng	19/09/1997	TP.HCM	
375	Trần Duy	Hoàng	10/01/1994	TP.HCM	
376	Nguyễn Thị	Hồng	21/01/2001	TP.HCM	
377	Trần Thị Mai	Hồng	25/12/2000	Đồng Nai	
378	Võ Thị	Hồng	16/09/1998	TP.HCM	
379	Trần Đình	Huân	21/05/1994	TP.HCM	
380	Lê Thị Minh	Huệ	07/01/1988	Đà Nẵng	
381	Mai Kim	Huệ	06/06/1964	Đắk Lắk	
382	Nguyễn Thị Kim	Huệ	25/09/1991	TP.HCM	
383	Nguyễn Văn	Huệ	20/02/1982	TP.HCM	
384	Phạm Thị	Huệ	15/11/1993	TP.HCM	
385	Trần Thị	Huệ	10/08/1998	TP.HCM	
386	Đặng Khánh	Hùng	19/09/1996	TP.HCM	
387	Lê Công	Hùng	04/01/2000	TP.HCM	
388	Lê Mạnh	Hùng	08/11/1999	Đồng Nai	
389	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	TP.HCM	
390	Lương Văn	Hùng	07/11/1976	Đồng Nai	
391	Nguyễn Duy	Hùng	03/08/1987	Đà Nẵng	Xin thi KV P.Bắc
392	Nguyễn Thế	Hùng	13/07/1972	Đà Nẵng	
393	Nguyễn Thế	Hùng	16/07/1989	TP.HCM	
394	Nguyễn Thế Anh	Hùng	08/03/2000	TP.HCM	
395	Phạm Quốc	Hùng	17/02/1976	TP.HCM	
396	Phan Mạnh	Hùng	01/09/1998	TP.HCM	
397	Phan Văn	Hùng	10/07/1964	An Giang	
398	Trần Thanh	Hùng	11/10/1997	TP.HCM	
399	Đỗ Thanh	Hưng	08/12/1996	Quảng Ngãi	
400	Lê Văn	Hưng	08/12/1971	Cần Thơ	
401	Nguyễn Hoàng	Hưng	01/01/2000	Vĩnh Long	
402	Nguyễn Thanh	Hưng	11/02/1982	Lâm Đồng	
403	Phan Đình	Hưng	09/07/1999	TP.HCM	
404	Phan Ngọc	Hưng	17/12/2000	TP.HCM	
405	Trần Quang	Hưng	06/05/1999	TP.HCM	
406	Trần Quang	Hưng	04/06/1996	Vĩnh Long	
407	Đàm Thị Thu	Hương	24/06/1994	TP.HCM	
408	Đinh Thị Giang	Hương	24/06/1974	TP.HCM	
409	Hoàng Thị	Hương	17/04/1993	Lâm Đồng	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
410	Khuất Thị Diễm	Hương	14/12/1980	Đồng Nai	
411	Nguyễn Hoàng	Hương	20/05/1996	TP.HCM	
412	Nguyễn Thị	Hương	30/04/2000	TP.HCM	
413	Nguyễn Thị Hồng	Hương	19/06/2000	An Giang	
414	Nguyễn Thị Kim	Hương	19/07/1991	TP.HCM	
415	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	10/08/1980	TP.HCM	
416	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/12/1998	Vĩnh Long	
417	Nguyễn Thị Thùy	Hương	21/06/1978	Khánh Hòa	
418	Phạm Thị Thu	Hương	26/07/1996	Đắk Lắk	
419	Trần Lâm Thanh	Hương	24/08/2001	TP.HCM	
420	Trần Quỳnh	Hương	24/10/1998	TP.HCM	
421	Trần Thị Ái	Hương	15/09/1985	TP.HCM	
422	Trần Thị Thanh	Hương	29/09/2000	TP.HCM	
423	Vũ Thị Mai	Hương	05/07/1990	TP.HCM	
424	Dương Thị Thu	Hường	28/08/1971	Đồng Nai	
425	Lê Minh	Hữu	03/03/1978	Vĩnh Long	
426	Kiều Quang	Huy	24/08/1997	TP.HCM	
427	Nguyễn Đức	Huy	19/07/2000	TP.HCM	
428	Nguyễn Gia	Huy	15/06/2001	TP.HCM	
429	Nguyễn Ngọc	Huy	07/11/1999	Đắk Lắk	
430	Nguyễn Thái	Huy	08/11/2000	TP.HCM	
431	Nguyễn Xuân	Huy	28/03/1972	TP.HCM	
432	Trà Trần Thanh	Huy	02/08/1999	Quảng Ngãi	
433	Trần Quang	Huy	14/01/1972	TP.HCM	
434	Trương Tiến	Huy	01/03/1977	Tây Ninh	
435	Võ Ngọc Quang	Huy	15/08/1998	TP.HCM	
436	Đoàn Văn	Huy	10/05/1999	Gia Lai	
437	Trương Thị Ngọc	Huyền	15/08/1996	TP.HCM	
438	Nguyễn Thị	Huyền	02/12/1997	TP.HCM	
439	Nguyễn Thị	Huyền	07/09/1997	TP.HCM	
440	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	24/02/1994	Vĩnh Long	
441	Phan Thị Xuân	Huyền	05/07/1987	Đồng Nai	
442	Tô Mỹ	Huyền	06/03/2001	An Giang	
443	Trần Nguyễn Thanh	Huyền	24/05/1996	Quảng Ngãi	
444	Bồ Trung	Huỳnh	02/08/1988	TP.HCM	
445	Lý Tấn	Huỳnh	05/07/1992	Vĩnh Long	
446	Võ Như	Huỳnh	14/08/2000	TP.HCM	
447	Nguyễn Văn Thành	Kha	19/10/1977	Tây Ninh	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
448	Võ Thiên Lý	Khách	05/09/1999	TP.HCM	
449	Nguyễn Phan Minh	Khai	15/05/1978	Đà Nẵng	
450	Bùi Quang	Khải	09/09/1978	Đồng Nai	
451	Đặng Đức	Khải	30/09/2000	TP.HCM	
452	Đoàn Hữu	Khải	13/05/1999	Đắk Lắk	
453	Ngô Văn	Khang	09/11/1997	Cà Mau	
454	Nguyễn Ngô Vĩnh	Khang	18/09/2001	TP.HCM	
455	Nguyễn Nguyên	Khang	02/01/2000	TP.HCM	
456	Huỳnh Công	Khanh	28/07/1995	TP.HCM	
457	Lê Trần Vân	Khanh	29/04/2001	TP.HCM	
458	Nguyễn Thị Ái	Khanh	17/10/1977	TP.HCM	
459	Nguyễn Thị Lê	Khanh	13/02/1997	Đắk Lắk	
460	Hoàng Quốc	Khánh	02/09/1996	TP.HCM	
461	Nguyễn Nam	Khánh	03/05/1994	TP.HCM	
462	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/10/2000	TP.HCM	
463	Nguyễn Thiên	Khánh	06/02/1992	Khánh Hòa	
464	Phạm Đăng	Khánh	07/08/1979	TP.HCM	
465	Phạm Duy	Khánh	15/03/1982	Đắk Lắk	
466	Phạm Trần Bảo	Khánh	21/07/1999	TP.HCM	
467	Bùi Đăng	Khoa	05/06/1990	TP.HCM	
468	Nguyễn Đăng	Khoa	12/05/1999	TP.HCM	
469	Nguyễn Đình	Khoa	21/08/1999	TP.HCM	
470	Nguyễn Võ Anh	Khoa	28/02/1999	TP.HCM	
471	Trần Anh	Khoa	24/04/2000	TP.HCM	
472	Bùi Đức	Khôi	30/08/1997	Tây Ninh	
473	Trần Nguyên	Khôi	06/03/1991	TP.HCM	
474	Quách Thị Anh	Khuê	18/12/1997	TP.HCM	
475	Dương Thoại	Khương	15/01/1985	TP.HCM	
476	Nguyễn Thị	Khuyên	21/04/1997	TP.HCM	
477	Nguyễn Trung	Kiên	25/11/1982	Cà Mau	
478	Nguyễn Anh	Kiệt	01/09/1989	TP.HCM	
479	Nguyễn Tấn	Kiệt	04/07/2000	TP.HCM	
480	Khương Kim Thúy	Kiều	17/04/1997	Cà Mau	
481	Lê Thị Ngọc	Kiều	22/09/1975	TP.HCM	
482	Nguyễn Thị Thủy	Kiều	02/08/1993	TP.HCM	
483	Trần Ngọc Diễm	Kiều	16/01/2000	TP.HCM	
484	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	
485	Nguyễn Văn	Kính	10/06/1985	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
486	Y Tina	KNông	03/08/1983	Đắk Lắk	
487	Tiểu Hồng	Kỳ	02/03/1965	Lâm Đồng	
488	Lê Thị Thanh	Lai	02/08/1980	TP.HCM	
489	Mai Hắc Phúc	Lai	22/12/2000	TP.HCM	
490	Bùi Trúc	Lam	25/09/1984	TP.HCM	
491	Đoàn Thị Kim	Lâm	24/10/1992	TP.HCM	
492	Huỳnh Thanh	Lâm	14/01/2000	TP.HCM	
493	Lê	Lâm	12/11/1966	TP.HCM	
494	Nguyễn Tiến Sơn	Lâm	27/02/1998	TP.HCM	
495	Nguyễn Tùng	Lâm	16/07/1968	Cà Mau	
496	Võ Thành	Lâm	14/11/2000	TP.HCM	
497	Vũ Văn	Lâm	17/06/1986	TP.HCM	
498	Bùi Thị Phương	Lan	01/10/1998	TP.HCM	
499	Cù Thị Ngọc	Lan	18/06/1985	Đồng Nai	
500	Đoàn Thị Thuỳ	Lan	17/02/1975	TP.HCM	
501	Lê Thị	Lan	01/06/1976	Đồng Nai	
502	Lê Thị Thanh	Lan	29/04/1970	Đồng Tháp	
503	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/06/1973	TP.HCM	
504	Phan Thị Phong	Lan	02/03/1978	TP.HCM	
505	Hồ Thị	Lành	01/05/1991	Đắk Lắk	
506	Đặng Quí	Lập	16/08/1993	TP.HCM	
507	Lê Phước	Lập	08/10/1997	Tây Ninh	
508	Phạm Đăng	Lênh	26/01/1984	TP.HCM	
509	Nguyễn Thanh	Liên	01/04/1994	TP.HCM	
510	Phạm Hoàng Thanh	Liên	11/12/1983	TP.HCM	
511	Lương Thị	Liên	05/05/1990	TP.HCM	
512	Trần Thị Kim	Liên	20/05/2000	TP.HCM	
513	Trần Văn	Liêu	19/03/1986	Lâm Đồng	
514	Huỳnh Ngọc	Liểu	03/01/1996	TP.HCM	
515	Nguyễn Thị	Liểu	10/06/1991	TP.HCM	
516	Trương Thị Ánh	Liệu	26/08/1999	TP.HCM	
517	Chu Hạnh	Linh	21/08/1999	TP.HCM	
518	Đào Nguyễn Yên	Linh	07/11/1992	TP.HCM	
519	Đinh Thị Mỹ	Linh	06/09/1984	Cần Thơ	
520	Đỗ Thị	Linh	21/11/1997	TP.HCM	
521	Đỗ Thị Mỹ	Linh	20/08/1997	TP.HCM	
522	Đoàn Mạnh	Linh	12/01/1981	Đà Nẵng	
523	Hứa Thế	Linh	26/04/2000	Cần Thơ	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
524	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	16/01/2000	Gia Lai	
525	Lê Thị Kiều	Linh	04/09/1997	TP.HCM	
526	Nguyễn Hoàng Thuỳ	Linh	23/12/2000	TP.HCM	
527	Nguyễn Nhật Khánh	Linh	21/04/1982	TP.HCM	
528	Nguyễn Thảo	Linh	16/05/2000	TP.HCM	
529	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	09/05/1998	Vĩnh Long	
530	Nguyễn Thị Diệp	Linh	09/08/1998	TP.HCM	
531	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	17/10/2000	TP.HCM	
532	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	08/10/1997	TP.HCM	
533	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	10/08/1999	TP.HCM	
534	Nguyễn Thị Trúc	Linh	18/05/2000	TP.HCM	
535	Phạm Thị Huyền	Linh	24/03/1996	Cần Thơ	
536	Phan Quốc	Linh	16/05/1996	TP.HCM	
537	Phan Thị Mỹ	Linh	08/08/1978	TP.HCM	
538	Phan Thị Thảo	Linh	10/09/1999	Đà Nẵng	
539	Phù Thù	Linh	08/01/1998	TP.HCM	
540	Quách Thị Mỹ	Linh	21/08/1997	TP.HCM	
541	Thái Trọng	Linh	17/05/1996	TP.HCM	
542	Trần Thị Hà	Linh	08/11/2000	TP.HCM	
543	Trần Thị Thuỳ	Linh	06/06/1999	TP.HCM	
544	Huỳnh Ngọc	Loan	22/01/1998	TP.HCM	
545	Nguyễn Hồng	Loan	02/12/1999	TP.HCM	
546	Nguyễn Thị	Loan	24/08/1998	TP.HCM	
547	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	TP.HCM	
548	Vương Ngọc	Loan	04/02/1986	Cần Thơ	
549	Đỗ Thanh	Lộc	26/03/1985	TP.HCM	
550	Đoàn Nguyễn Nguyên	Lộc	29/01/1997	Tây Ninh	
551	Lê Anh	Lộc	17/10/1988	Vĩnh Long	
552	Lê Nguyễn Tất	Lộc	28/10/1995	TP.HCM	
553	Nguyễn Hữu	Lộc	05/08/1998	TP.HCM	
554	Trần Đại	Lộc	16/11/1980	Đồng Nai	
555	Trần Tấn	Lộc	26/03/1998	TP.HCM	
556	Hồ Thành	Lợi	18/06/1997	TP.HCM	
557	Trịnh Xuân	Lợi	01/06/1986	TP.HCM	
558	Bùi Huy	Long	15/06/1978	TP.HCM	
559	Đàm Gia	Long	01/01/1997	TP.HCM	
560	Dương Thành	Long	08/08/1977	TP.HCM	
561	Lâm Thanh	Long	22/10/1979	Cà Mau	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
562	Lê Hoàng	Long	27/03/1992	TP.HCM	
563	Lê Thanh	Long	23/05/2000	TP.HCM	
564	Lê Văn	Long	09/04/2000	TP.HCM	
565	Nguyễn Hoàng	Long	07/10/1985	TP.HCM	
566	Nguyễn Hoàng Minh	Long	05/04/1993	TP.HCM	
567	Nguyễn Ngọc	Long	18/03/1992	TP.HCM	
568	Nguyễn Thị Thanh	Long	02/07/2000	TP.HCM	
569	Nguyễn Văn	Long	18/06/1979	TP.HCM	
570	Thân Hồng	Long	08/01/1989	TP.HCM	
571	Trương Nguyễn Thiên	Long	12/12/1997	TP.HCM	
572	Huỳnh Văn	Luân	02/07/1983	TP.HCM	
573	Trần Thị Kim	Luôn	07/02/1994	Lâm Đồng	
574	Lê Thị	Lương	16/07/1997	Đắk Lắk	
575	Dũng Thành	Lưu	14/05/2000	TP.HCM	
576	Hoàng Thị	Ly	17/09/1998	TP.HCM	
577	Nguyễn Thị	Ly	23/02/1996	Đồng Nai	
578	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	19/06/2000	TP.HCM	
579	Nguyễn Thị Khánh	Ly	15/08/1986	TP.HCM	
580	Trần Thị Bích	Ly	22/08/2000	TP.HCM	
581	Bùi Thị Hải	Lý	02/12/1996	TP.HCM	
582	Dương Thị Hải	Lý	17/01/1977	TP.HCM	
583	Đình Trần Ngọc	Mai	03/05/2000	TP.HCM	
584	Hàng Mỹ	Mai	02/08/1983	TP.HCM	
585	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	02/07/2000	TP.HCM	
586	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	10/11/2000	TP.HCM	
587	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	02/05/1999	TP.HCM	Xin thi KV P.Bắc
588	Nguyễn Thị Xuân	Mai	28/03/1999	TP.HCM	
589	Phan Thị Phương	Mai	12/09/2000	TP.HCM	
590	Trần Thị Phương	Mai	30/08/1997	TP.HCM	
591	Biện Minh	Mẫn	17/07/1991	TP.HCM	
592	Lê Thanh	Mẫn	13/10/1976	Tây Ninh	
593	Phan Minh	Mẫn	19/11/1961	Tây Ninh	
594	Nguyễn Đình	Mạnh	09/04/1998	TP.HCM	
595	Nguyễn Tất	Mạnh	11/10/1978	Lâm Đồng	
596	Trần Thị Thảo	Mi	28/12/1988	TP.HCM	
597	Võ Thị Trà	Mi	29/08/1993	TP.HCM	
598	Đặng Ngọc	Minh	27/04/2000	Cần Thơ	
599	Đình Thị	Minh	12/10/1996	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
600	Hồ Nguyễn Nguyệt	Minh	05/10/1998	TP.HCM	
601	Lại Xuân Quang	Minh	01/10/1999	TP.HCM	
602	Nguyễn Công	Minh	11/12/1998	Tây Ninh	
603	Nguyễn Đoàn	Minh	09/04/1973	TP.HCM	
604	Nguyễn Duy	Minh	05/05/2000	TP.HCM	
605	Nguyễn Thanh	Minh	05/04/1999	TP.HCM	
606	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	07/08/1999	TP.HCM	
607	Nguyễn Thu	Minh	26/10/1998	TP.HCM	
608	Nguyễn Văn	Minh	10/04/1967	TP.HCM	
609	Phạm Cao	Minh	01/01/2000	TP.HCM	
610	Phạm Ngọc	Minh	21/12/1986	TP.HCM	
611	Trần Hữu	Minh	13/10/1985	TP.HCM	
612	Trần Quang	Minh	02/11/1977	TP.HCM	
613	Phan Thành	Mức	19/05/1999	Cần Thơ	
614	Phan Văn	Mùng	23/03/1986	Đồng Tháp	
615	Lê Ngọc Trà	My	27/02/1989	TP.HCM	
616	Nguyễn Minh Quỳnh	My	28/11/2000	TP.HCM	
617	Nguyễn Thị Hà	My	08/04/1999	TP.HCM	
618	Nguyễn Thị Hải	My	04/09/2001	TP.HCM	
619	Nguyễn Thị My	My	25/05/1996	TP.HCM	
620	Nguyễn Vương Thụy	My	09/08/1991	TP.HCM	
621	Trần Thị Thanh	Mỹ	06/07/1984	TP.HCM	
622	Bùi Anh	Nam	27/12/1983	TP.HCM	
623	Đoàn Văn	Nam	02/05/1971	TP.HCM	
624	Lê	Nam	28/06/1984	TP.HCM	
625	Nguyễn Hồng	Nam	17/01/1975	TP.HCM	
626	Nguyễn Phương	Nam	13/01/1978	TP.HCM	
627	Nguyễn Thế	Nam	13/10/1998	TP.HCM	
628	Nguyễn Vũ Đăng	Nam	03/08/1991	TP.HCM	
629	Phí Quang	Nam	29/10/1992	TP.HCM	
630	Trịnh Văn	Nam	15/04/1986	Đồng Nai	
631	Từ Đại	Nam	04/11/1988	TP.HCM	
632	Dương Thị Vân	Nga	12/07/1981	TP.HCM	
633	Hồ Huỳnh Thanh Thúy	Nga	30/06/1997	TP.HCM	
634	Lê Quỳnh	Nga	24/04/1993	TP.HCM	
635	Mai Thị Quỳnh	Nga	26/03/1993	Đồng Nai	
636	Nguyễn Phạm Quỳnh	Nga	06/06/1996	Đồng Nai	
637	Phạm Thị Bích	Nga	16/01/1998	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
638	Đỗ Quang	Ngà	28/06/1985	TP.HCM	
639	Nguyễn Trần Ngọc	Ngà	28/03/1999	TP.HCM	
640	Bùi Nguyễn Thúy	Ngân	05/07/1996	TP.HCM	
641	Lê Ngọc Kim	Ngân	30/03/1989	TP.HCM	
642	Ngô Kim	Ngân	17/08/2000	TP.HCM	
643	Nguyễn Phạm Quỳnh	Ngân	28/06/1999	TP.HCM	
644	Nguyễn Thanh	Ngân	02/02/1998	TP.HCM	
645	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/07/1998	Tây Ninh	
646	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	05/05/1997	TP.HCM	
647	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	25/08/1996	TP.HCM	
648	Nguyễn Thu Huệ	Ngân	02/09/1990	Vĩnh Long	
649	Trần Nguyễn Diễm	Ngân	22/11/1994	Đồng Tháp	
650	Trần Thị Thảo	Ngân	20/08/1996	TP.HCM	
651	Vũ Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/02/1998	TP.HCM	
652	Nguyễn Ngọc Đông	Nghi	13/11/2000	TP.HCM	
653	Bùi Hữu	Nghĩa	28/06/1999	TP.HCM	
654	Đỗ Hữu	Nghĩa	19/03/1988	Tây Ninh	
655	Lâm Hữu	Nghĩa	01/01/1989	Cà Mau	
656	Nguyễn Thị	Nghĩa	29/01/1992	TP.HCM	
657	Võ Trọng	Nghĩa	10/02/1998	TP.HCM	
658	Lương Văn	Nghiệp	30/11/1984	Đà Nẵng	
659	Đỗ Phạm Hồng	Ngọc	19/10/2001	Cần Thơ	
660	Đỗ Thị Bích	Ngọc	09/09/1996	TP.HCM	
661	Đoàn Nguyên	Ngọc	17/12/1982	Đồng Nai	
662	Hồ Thị	Ngọc	10/06/1995	TP.HCM	
663	Huỳnh Cao Như	Ngọc	07/10/2000	TP.HCM	
664	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	24/03/1990	TP.HCM	
665	Huỳnh Thị Như	Ngọc	28/02/1999	TP.HCM	
666	Lâm Thị Mỹ	Ngọc	16/01/1997	Vĩnh Long	
667	Lê Phương Bảo	Ngọc	15/10/1989	TP.HCM	
668	Lê Thị Mỹ	Ngọc	20/02/2000	TP.HCM	
669	Lượng Hồng	Ngọc	24/04/1999	TP.HCM	
670	Nguyễn Mai Bích	Ngọc	08/01/1993	TP.HCM	
671	Nguyễn Như	Ngọc	06/10/1999	TP.HCM	
672	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	20/07/1992	An Giang	
673	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	02/08/1999	Vĩnh Long	
674	Phạm Minh	Ngọc	04/02/2000	TP.HCM	
675	Phạm Thị	Ngọc	08/04/1996	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
676	Phan Thị Cẩm	Ngọc	03/05/1990	TP.HCM	
677	Trần Thị Diễm	Ngọc	02/09/1993	TP.HCM	
678	Trần Thị Hồng	Ngọc	17/06/1999	TP.HCM	
679	Võ Thị Bảo	Ngọc	01/11/1988	Đắk Lắk	
680	Vũ Thị	Ngọc	08/10/1996	Đắk Lắk	
681	Huỳnh Thanh	Ngung	02/09/1987	Đồng Tháp	
682	Lê Công	Nguyên	27/11/1993	Gia Lai	
683	Vũ Nguyễn Việt	Nguyên	17/02/1994	TP.HCM	
684	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/01/1996	TP.HCM	
685	Phạm Thị Thu	Nguyệt	19/09/2000	TP.HCM	
686	Hoàng Thị Linh	Nhâm	14/02/2000	TP.HCM	
687	Lê Mỹ	Nhàn	25/08/1998	TP.HCM	
688	Phạm Thanh	Nhàn	17/07/1988	TP.HCM	
689	Trương Mỹ	Nhàn	23/09/2000	TP.HCM	
690	Đoàn Hoài	Nhân	06/05/1998	TP.HCM	
691	Ngô Hoài	Nhân	10/02/2000	TP.HCM	
692	Nguyễn Trí	Nhân	30/11/2000	TP.HCM	
693	Trần Quốc	Nhân	25/08/1979	TP.HCM	
694	Võ Thành	Nhân	17/03/1992	TP.HCM	
695	Võ Trung	Nhân	03/08/2000	TP.HCM	
696	K'	Nhân	18/10/1991	TP.HCM	
697	Lê Văn	Nhanh	02/09/1966	Tây Ninh	
698	Hoàng Duy	Nhất	29/01/1994	Cần Thơ	
699	Quế Tiến	Nhật	08/04/1992	TP.HCM	
700	Trần Công Minh	Nhật	28/08/1968	TP.HCM	
701	Trần Đức	Nhật	31/10/1997	TP.HCM	
702	Bùi Ngọc	Nhi	03/10/1999	TP.HCM	
703	Cai Thị Thảo	Nhi	28/02/2000	TP.HCM	
704	Lâm Thúy Bảo	Nhi	19/12/2001	TP.HCM	
705	Lê Thúy	Nhi	11/12/2001	Quảng Ngãi	
706	Nguyễn Ngọc Mỹ	Nhi	22/01/1997	TP.HCM	
707	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	02/07/1996	TP.HCM	
708	Nguyễn Thị Yên	Nhi	13/06/1999	TP.HCM	
709	Trần Ngọc Hà	Nhi	09/05/1990	TP.HCM	
710	Võ Nguyễn Ý	Nhi	12/01/2001	Đắk Lắk	
711	Võ Văn	Nhiệm	28/02/1995	Cà Mau	
712	Mai Thanh	Nho	05/03/1970	TP.HCM	
713	Nguyễn Văn	Nhu	09/10/1989	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
714	Dương Quỳnh	Như	01/10/1995	TP.HCM	
715	Ngô Thị Anh	Như	07/09/1997	Cần Thơ	
716	Nguyễn Dương Tâm	Như	10/09/2000	TP.HCM	
717	Nguyễn Hồng Tố	Như	06/05/1988	TP.HCM	
718	Nguyễn Thị Hồng	Như	17/10/1976	TP.HCM	
719	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	29/08/1999	TP.HCM	
720	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	26/02/1991	TP.HCM	
721	Phạm Thị Quỳnh	Như	26/04/1997	TP.HCM	
722	Phạm Thị Thanh	Như	10/02/2000	TP.HCM	
723	Võ Văn	Nhuận	09/08/1974	Tây Ninh	
724	Dương Kiều Phụng	Nhung	18/10/1985	TP.HCM	
725	Dương Thị Hồng	Nhung	27/07/1997	Khánh Hòa	
726	Lê Thị Hồng	Nhung	31/10/1996	TP.HCM	
727	Nguyễn Hồng	Nhung	20/08/2000	TP.HCM	
728	Nguyễn Thị	Nhung	12/09/1993	Đà Nẵng	
729	Nguyễn Thị	Nhung	25/09/1999	TP.HCM	
730	Nguyễn Thị	Nhung	12/05/1994	TP.HCM	
731	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/11/2001	Đồng Tháp	
732	Trần Thị	Nhung	09/07/2000	TP.HCM	
733	Trần Thị	Nhung	07/12/1991	Đà Nẵng	
734	Trần Thị Hồng	Nhung	02/03/1990	TP.HCM	
735	Nguyễn Đào Duy	Nhật	03/02/1995	TP.HCM	
736	Phan Hoàng	Nhật	20/10/1975	TP.HCM	
737	Dương Thị Công	Nương	13/09/1999	TP.HCM	
738	Hoàng Vân	Oanh	10/02/1997	TP.HCM	
739	Lê Kiều	Oanh	21/06/1995	Vĩnh Long	
740	Lê Thị Kiều	Oanh	19/05/1995	TP.HCM	
741	Nguyễn Kim	Oanh	11/04/1993	TP.HCM	
742	Nguyễn Thị Kim	Oanh	05/08/1997	TP.HCM	
743	Phái Thị Hoàng	Oanh	03/06/1994	TP.HCM	
744	Phạm Thị Ngọc	Oanh	26/11/1996	Đồng Nai	
745	Nguyễn Thị Kỳ	Phán	13/09/1997	TP.HCM	
746	Nguyễn Sỹ	Pháp	30/04/1993	TP.HCM	
747	Phan Trung	Pháp	10/06/1998	TP.HCM	
748	Văn Đức	Pháp	30/07/1999	Quảng Ngãi	
749	Nguyễn Tấn	Phát	21/06/1983	Cà Mau	
750	Nguyễn Tấn	Phát	12/01/1997	TP.HCM	
751	Hồ Thị Yên	Phi	29/07/1993	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
752	Nguyễn Tấn	Phong	30/08/1981	TP.HCM	
753	Nguyễn Thanh	Phong	10/11/1976	TP.HCM	
754	Nguyễn Thanh	Phong	14/08/1966	Đồng Tháp	
755	Nguyễn Thế	Phong	29/10/1999	Tây Ninh	
756	Trần Hoàng	Phong	19/09/2000	TP.HCM	
757	Trần Xuân	Phong	01/01/1990	Đà Nẵng	
758	Võ Thanh	Phong	18/02/1990	TP.HCM	
759	Võ Văn	Phong	24/08/2001	Đồng Nai	
760	Cao Thị	Phú	18/06/1996	TP.HCM	
761	Khúc Ngọc	Phú	12/08/1975	Đắk Lắk	
762	Nguyễn Minh	Phú	25/01/1996	TP.HCM	
763	Nguyễn Ngọc	Phú	04/05/1997	TP.HCM	
764	Trần Đình	Phú	30/04/1996	TP.HCM	
765	Trần Hoàng	Phú	22/05/1987	Vĩnh Long	
766	Liêu Thị	Phúc	19/08/2000	TP.HCM	
767	Ngô Trương Kim	Phúc	24/10/2000	Cần Thơ	
768	Nguyễn Duy	Phúc	24/11/1986	TP.HCM	
769	Nguyễn Duy	Phúc	25/03/1999	TP.HCM	
770	Nguyễn Hoàn Gia	Phúc	12/02/1975	TP.HCM	
771	Nguyễn Trọng	Phúc	19/02/1987	An Giang	
772	Phan Nguyễn Đức	Phúc	30/07/1999	Đà Nẵng	
773	Nguyễn Minh	Phục	19/08/2001	Đà Nẵng	
774	Hồ Thị Kim	Phước	02/08/1993	TP.HCM	
775	Mai Tuyết Ngọc	Phước	22/04/2000	TP.HCM	
776	Trần Ngọc	Phước	20/02/1968	TP.HCM	
777	Trần Văn	Phước	05/09/1980	TP.HCM	
778	Bùi Thị Huệ	Phương	17/07/1996	TP.HCM	
779	Đào Thanh	Phương	09/02/1998	TP.HCM	
780	Đỗ Quang	Phương	22/10/1998	Tây Ninh	
781	Hồ Thị	Phương	06/01/1999	TP.HCM	
782	Lê Đình Quốc	Phương	01/08/1980	Quảng Ngãi	
783	Lê Thị	Phương	20/12/1982	Đắk Lắk	
784	Lê Thị Ánh	Phương	22/05/1999	Cần Thơ	
785	Lê Uyên	Phương	06/06/2000	TP.HCM	
786	Mai Hà	Phương	13/10/1996	TP.HCM	
787	Mai Hùng	Phương	20/02/1988	Tây Ninh	
788	Ngô Đình	Phương	16/08/1995	TP.HCM	
789	Nguyễn Đăng Khánh	Phương	15/11/2000	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
790	Nguyễn Hoàng	Phương	02/04/1999	Cần Thơ	
791	Nguyễn Lê Nam	Phương	17/10/1997	TP.HCM	
792	Nguyễn Thanh	Phương	21/09/2000	TP.HCM	
793	Nguyễn Thị Ngân	Phương	10/10/1993	TP.HCM	
794	Nguyễn Thị Thu	Phương	01/05/1972	Cà Mau	
795	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	27/03/1991	TP.HCM	
796	Phạm Thị	Phương	22/10/1999	TP.HCM	
797	Trần Thu	Phương	16/09/1999	TP.HCM	
798	Vi Thị Bích	Phương	15/10/1998	TP.HCM	
799	Hồ Như	Phượng	28/11/1999	TP.HCM	
800	Lê Thị Thúy	Phượng	20/11/1996	TP.HCM	
801	Tạ Thị	Phượng	10/03/1990	Đồng Nai	
802	Đinh Việt	Quân	16/06/1977	TP.HCM	
803	Lý Lệ	Quân	27/11/1993	TP.HCM	
804	Phạm Bá	Quân	06/08/2000	TP.HCM	
805	Trần Nguyễn Thanh	Quân	27/08/1999	TP.HCM	
806	Tường Duy	Quân	14/11/1979	TP.HCM	
807	Đặng Văn	Quang	06/04/1968	TP.HCM	
808	Lương Đình	Quang	11/05/1976	TP.HCM	
809	Nguyễn Minh	Quang	23/11/1999	TP.HCM	
810	Nguyễn Tấn	Quang	22/08/1984	TP.HCM	
811	Phan Lê Thanh	Quang	24/02/1994	TP.HCM	
812	Trần Quốc	Quang	27/06/1992	Tây Ninh	
813	Đoàn Minh	Quốc	08/01/2000	TP.HCM	
814	Lưu Kiến	Quốc	14/09/1967	TP.HCM	
815	Nguyễn Vĩnh	Quốc	14/02/1975	TP.HCM	
816	Phan Văn Bảo	Quốc	24/08/1977	TP.HCM	
817	Tô Bảo	Quốc	25/05/1981	TP.HCM	
818	Võ Tấn	Quy	08/05/2000	TP.HCM	
819	Lê Thị Minh	Quý	30/06/1993	TP.HCM	
820	Nguyễn Quang	Quý	27/03/1989	Đắk Lắk	
821	Nguyễn Văn	Quý	10/02/1991	TP.HCM	
822	Võ Văn	Quý	25/12/1978	TP.HCM	
823	Đào Minh	Quyên	06/12/1998	TP.HCM	
824	Lê Thị Ngọc	Quyên	25/02/1999	TP.HCM	
825	Nguyễn Lê Phương	Quyên	02/08/2000	TP.HCM	
826	Nguyễn Thị Nhật	Quyên	25/09/2000	TP.HCM	
827	Lê Kim	Quyên	18/08/1998	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
828	Đào Nguyễn Trúc	Quỳnh	06/06/1999	TP.HCM	
829	Lê Như	Quỳnh	13/05/1997	TP.HCM	
830	Lê Thị	Quỳnh	05/10/1997	Đà Nẵng	
831	Nguyễn Diệu	Quỳnh	27/02/1999	TP.HCM	
832	Nguyễn Đức	Quỳnh	07/12/1998	TP.HCM	
833	Nguyễn Nhật	Quỳnh	15/09/2000	TP.HCM	
834	Nguyễn Như	Quỳnh	07/02/2000	TP.HCM	
835	Nguyễn Như	Quỳnh	04/03/1999	TP.HCM	
836	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	05/10/1982	TP.HCM	
837	Nguyễn Thị Vân	Quỳnh	08/05/1997	TP.HCM	
838	Phạm Thị Như	Quỳnh	03/10/1998	TP.HCM	
839	Trần Ngọc Như	Quỳnh	03/09/1997	TP.HCM	
840	Trần Thị Huệ	Quỳnh	28/07/1994	Tây Ninh	
841	Trịnh Như	Quỳnh	13/05/2000	TP.HCM	
842	Tương Hương	Quỳnh	06/11/1997	TP.HCM	
843	Kim Sa	Rinh	15/02/1990	TP.HCM	
844	Nguyễn Ngọc Giang	San	08/11/1978	Đồng Nai	
845	Nguyễn Hoàng	Sang	01/11/1983	Cần Thơ	
846	Nguyễn Tấn	Sang	23/08/1987	TP.HCM	
847	Phạm Trọng	Sang	20/01/2000	Đắk Lắk	
848	Võ Thị Mỹ	Sang	14/02/2000	TP.HCM	
849	Phạm Thị Ánh	Sáng	26/06/2000	TP.HCM	
850	Lê Thị	Sen	12/07/1994	TP.HCM	Xin thi KV P.Bắc
851	Nguyễn Minh	Sinh	11/10/1975	Đắk Lắk	
852	Cổ Kim Phụng	Son	02/01/1982	TP.HCM	
853	Hà Thái	Son	27/08/1999	TP.HCM	
854	Hồ Hoàng	Son	10/02/1994	TP.HCM	
855	Lê Hữu	Son	31/03/2000	TP.HCM	
856	Lê Tấn Phi	Son	15/01/1973	TP.HCM	
857	Lê Thanh	Son	20/07/1969	Đắk Lắk	
858	Nguyễn Danh	Son	18/03/1992	TP.HCM	
859	Nguyễn Thanh	Son	16/08/1983	TP.HCM	
860	Nguyễn Thọ	Son	01/05/1981	TP.HCM	
861	Nông Lâm	Son	11/09/1994	Đắk Lắk	
862	Trần Hồng	Son	17/12/1999	TP.HCM	
863	Trần Thanh	Son	28/01/1959	Khánh Hòa	
864	Trịnh Hồng	Son	20/01/1996	TP.HCM	
865	Nguyễn Ngọc	Son	01/02/1994	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
866	Lê Thị Tuyết	Sương	04/03/1997	TP.HCM	
867	Tô Kiều	Sương	02/07/1996	TP.HCM	
868	Nguyễn Minh	Tài	14/06/1984	TP.HCM	
869	Võ Nhật	Tài	04/04/1999	TP.HCM	
870	Nguyễn Văn	Tám	19/08/1976	Đà Nẵng	
871	Đỗ Huỳnh Thanh	Tâm	20/11/1987	TP.HCM	
872	Hồ Thị Minh	Tâm	17/07/1995	Khánh Hòa	
873	Hoàng Minh	Tâm	03/05/1997	TP.HCM	
874	Nguyễn Kim	Tâm	19/12/1995	TP.HCM	
875	Nguyễn Minh	Tâm	16/09/1983	TP.HCM	
876	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	28/02/1997	Cần Thơ	
877	Nguyễn Thanh	Tâm	10/03/1990	Đồng Tháp	
878	Nguyễn Thanh	Tâm	25/07/1975	TP.HCM	
879	Nguyễn Thị Băng	Tâm	26/10/1999	TP.HCM	
880	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13/10/1998	TP.HCM	
881	Phan Chí	Tâm	20/06/1995	TP.HCM	
882	Trần Minh	Tâm	10/01/1989	An Giang	
883	Bùi Hiếu	Tân	10/05/1999	TP.HCM	
884	Huỳnh Duy	Tân	19/11/1983	TP.HCM	
885	Lâm Duy	Tân	05/05/1989	TP.HCM	
886	Lê Hữu	Tân	19/05/2000	Cần Thơ	
887	Mai Văn	Tân	21/06/2000	Lâm Đồng	
888	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	TP.HCM	
889	Quách Minh	Tân	27/02/1999	TP.HCM	
890	Vũ Nhật	Tân	20/09/1998	TP.HCM	
891	Tăng Tôn	Tấn	02/07/1999	TP.HCM	
892	Đình Văn	Thạch	26/11/1990	TP.HCM	
893	Nguyễn Trần Ngọc	Thạch	26/05/2000	TP.HCM	
894	Nguyễn Văn	Thạch	22/12/1987	TP.HCM	
895	Phạm Ngọc	Thạch	21/11/1989	TP.HCM	
896	Võ Ngọc	Thạch	10/10/1985	Vĩnh Long	
897	Bùi Quang	Thái	09/10/1999	TP.HCM	
898	Đỗ Xuân	Thái	26/10/1975	TP.HCM	
899	Lê Đình Hoàng	Thái	28/02/1998	TP.HCM	
900	Lê Xuân	Thái	06/07/1992	TP.HCM	
901	Nguyễn Thị	Thắm	12/06/1999	TP.HCM	
902	Hồ Xuân	Thắm	26/12/1996	Khánh Hòa	
903	Mai Văn	Thân	15/09/1994	Đồng Nai	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
904	Đoàn Văn	Thắng	10/03/1983	TP.HCM	
905	Dương Vũ	Thắng	26/01/1987	TP.HCM	
906	Lê Quyết	Thắng	16/01/1998	TP.HCM	
907	Ngô Chiến	Thắng	17/01/1999	TP.HCM	
908	Nguyễn Đức	Thắng	05/09/1973	TP.HCM	
909	Nguyễn Ngọc	Thắng	14/02/1985	TP.HCM	
910	Nguyễn Ngọc	Thắng	04/01/1995	Cần Thơ	
911	Nguyễn Phúc Vĩnh	Thắng	03/07/1978	TP.HCM	
912	Phạm Đức	Thắng	24/02/1987	TP.HCM	
913	Phạm Minh	Thắng	18/10/1998	TP.HCM	
914	Trần Hữu	Thắng	17/10/1995	TP.HCM	
915	Huỳnh Ngọc Thiên	Thanh	13/10/1996	TP.HCM	
916	Lê Thị	Thanh	10/04/1998	TP.HCM	
917	Mạch Nguyễn Duy	Thanh	01/10/1997	TP.HCM	
918	Mai Trần Thanh	Thanh	01/11/2001	TP.HCM	
919	Nguyễn Đức	Thanh	31/03/1964	Lâm Đồng	
920	Nguyễn Thị	Thanh	05/11/1981	TP.HCM	
921	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	12/11/1999	TP.HCM	
922	Trần Giang	Thanh	25/02/1995	TP.HCM	
923	Trần Thị Thanh	Thanh	30/11/1994	TP.HCM	
924	Võ Chí	Thanh	10/10/2000	TP.HCM	
925	Bùi Tiến	Thành	26/06/1997	Đồng Nai	
926	Đặng Trọng	Thành	02/08/1998	TP.HCM	
927	Huỳnh Bá	Thành	16/08/1992	Cần Thơ	
928	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	TP.HCM	
929	Nguyễn Đức	Thành	08/06/1991	TP.HCM	
930	Nguyễn Hữu	Thành	20/11/1990	TP.HCM	
931	Nguyễn Nguyên	Thành	01/02/1999	TP.HCM	
932	Nguyễn Quốc	Thành	17/03/1976	Đồng Nai	
933	Nguyễn Trung	Thành	12/10/2000	Cần Thơ	
934	Nguyễn Việt	Thành	19/05/1996	TP.HCM	
935	Phạm Công	Thành	10/06/1964	TP.HCM	
936	Nguyễn Hữu	Thạnh	02/01/1993	TP.HCM	
937	Đặng Thị Phương	Thảo	17/03/1989	TP.HCM	
938	Hoàng Thị Thu	Thảo	16/06/1997	TP.HCM	
939	Lê Thanh	Thảo	11/02/2000	Đồng Nai	
940	Lê Thị	Thảo	10/02/1994	Tây Ninh	
941	Lê Thị Thanh	Thảo	08/07/1987	Đồng Nai	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
942	Mai Thị	Thảo	09/02/1997	TP.HCM	
943	Nguyễn Linh	Thảo	01/11/2000	TP.HCM	
944	Nguyễn Thị Bách	Thảo	14/04/1984	Đồng Nai	
945	Nguyễn Thị Như	Thảo	14/03/1999	Đà Nẵng	
946	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/01/2000	TP.HCM	
947	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/10/1997	TP.HCM	
948	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/06/1999	TP.HCM	
949	Nguyễn Trần Phương	Thảo	19/04/1999	Đồng Nai	
950	Phạm Mai	Thảo	29/05/1995	Cần Thơ	
951	Phạm Thị Thu	Thảo	02/09/1997	TP.HCM	
952	Phạm Thị Thu	Thảo	10/05/1997	Đắk Lắk	
953	Phạm Vân	Thảo	03/02/1998	TP.HCM	
954	Tạ Phương	Thảo	09/01/1997	TP.HCM	
955	Trần Ngọc Phương	Thảo	22/12/1999	TP.HCM	
956	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	27/12/2000	TP.HCM	
957	Trần Thị	Thảo	03/10/1996	TP.HCM	
958	Trần Thị	Thảo	08/03/2000	TP.HCM	
959	Trần Thị	Thảo	16/10/1988	TP.HCM	
960	Trần Thị Hiếu	Thảo	02/02/2001	Quảng Ngãi	
961	Võ Thị Thanh	Thảo	28/08/2000	TP.HCM	
962	Lê Thời	Thế	08/02/1999	TP.HCM	
963	Nguyễn Sỹ	Thế	24/11/1975	Đắk Lắk	
964	Nguyễn Huỳnh Trúc	Thị	23/04/1999	TP.HCM	
965	Nguyễn Minh	Thị	01/08/1996	TP.HCM	
966	Nguyễn Thị Diễm	Thị	10/08/1991	Cần Thơ	
967	Hồ Trần Khải	Thiên	20/01/2000	TP.HCM	
968	Lê Thị	Thiên	04/04/1994	TP.HCM	
969	Ngô Đức	Thiên	19/02/1999	TP.HCM	
970	Phạm Cao	Thiên	13/11/1997	TP.HCM	
971	Cao Mỹ	Thiện	13/11/1982	TP.HCM	
972	Lương	Thiện	10/09/1990	Tây Ninh	
973	Nguyễn Thị	Thiện	23/08/1998	TP.HCM	
974	Nguyễn Ngọc	Thịệu	30/03/1993	Đồng Nai	
975	Huỳnh Quang	Thịnh	01/02/1997	TP.HCM	
976	Nguyễn Hữu Gia	Thịnh	26/04/2001	Đà Nẵng	
977	Nguyễn Phong	Thịnh	26/01/1995	Khánh Hòa	
978	Võ Đức	Thịnh	01/02/2001	Vĩnh Long	
979	Nguyễn Thị Huỳnh	Tho	24/09/1997	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
980	Lê Thị Hồng	Thơ	27/10/1998	TP.HCM	
981	Trương Ngọc	Thơ	13/06/1985	Tây Ninh	
982	Nguyễn Văn	Thọ	14/11/1993	TP.HCM	
983	Tô Thị	Thom	10/06/1998	Tây Ninh	
984	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	TP.HCM	
985	Nguyễn Trần Minh	Thông	23/04/2000	TP.HCM	
986	Nguyễn Văn	Thông	30/11/1993	TP.HCM	
987	Trương Minh	Thông	06/04/1999	TP.HCM	
988	Võ Thuận	Thông	15/08/1977	Tây Ninh	
989	Đỗ Hoài	Thu	24/06/1976	Đồng Nai	
990	Nguyễn Thị	Thu	15/10/1976	Đồng Nai	
991	Nguyễn Thị Phương	Thu	09/11/1996	TP.HCM	
992	Trương Thị Ngọc	Thu	04/11/2000	TP.HCM	
993	Dương Tường Phượng	Thu	21/04/2000	TP.HCM	
994	Lê Trần Anh	Thu	08/08/2000	TP.HCM	
995	Nguyễn Anh	Thu	21/04/2000	TP.HCM	
996	Nguyễn Minh	Thu	15/01/1989	TP.HCM	
997	Nguyễn Thị Anh	Thu	03/09/1982	TP.HCM	
998	Nguyễn Thị Anh	Thu	28/03/1979	Cần Thơ	
999	Nguyễn Thị Minh	Thu	03/04/1999	TP.HCM	
1000	Phạm Quỳnh	Thu	30/03/2000	Lâm Đồng	
1001	Phan Bùi Thị Trang	Thu	03/12/2001	TP.HCM	
1002	Tiêu Bích	Thu	29/01/2001	TP.HCM	
1003	Trần Anh	Thu	08/06/1996	TP.HCM	
1004	Võ Thái Minh	Thu	25/05/2000	TP.HCM	
1005	Vũ Thị Anh	Thu	11/12/2000	TP.HCM	
1006	Đỗ Xuân	Thuần	29/11/1988	TP.HCM	
1007	Mai Lê Hòa	Thuận	12/07/1992	TP.HCM	
1008	Bùi Trí	Thức	05/10/1992	TP.HCM	
1009	Hoàng Văn	Thực	16/02/1995	Lâm Đồng	
1010	Đỗ Anh	Thương	13/05/1999	Đồng Nai	
1011	Đoàn Huyền	Thương	15/02/1996	TP.HCM	
1012	Hoàng Thị	Thương	01/02/1986	TP.HCM	
1013	Trần Thị Thanh	Thương	14/03/2000	TP.HCM	
1014	Cái Trần Thanh	Thúy	04/01/1998	TP.HCM	
1015	Đỗ Thị	Thúy	07/01/1983	Khánh Hòa	
1016	Nguyễn Thị Phương	Thúy	19/05/1986	TP.HCM	
1017	Tô Thị Minh	Thúy	08/02/1997	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1018	Trần Ngọc	Thúy	12/08/1973	TP.HCM	
1019	Trần Phương	Thúy	16/03/1985	TP.HCM	
1020	Trần Thị	Thúy	10/04/1978	TP.HCM	
1021	Võ Thị Phương	Thúy	24/01/1999	TP.HCM	
1022	Hồ Thủy Ngọc	Thùy	20/06/1997	TP.HCM	
1023	Lê Thị Phương	Thùy	22/11/1990	TP.HCM	
1024	Nguyễn Ngọc Như	Thùy	27/01/2001	TP.HCM	
1025	Nguyễn Thị	Thùy	11/12/1998	TP.HCM	
1026	Trần Thị Diễm	Thùy	09/02/1973	TP.HCM	
1027	Trịnh Nguyễn Thanh	Thùy	31/01/1979	TP.HCM	
1028	Lại Thị	Thủy	25/12/1981	TP.HCM	
1029	Lê Kim	Thủy	22/06/1991	Cần Thơ	
1030	Lê Thị Thu	Thủy	13/07/1079	Cần Thơ	
1031	Nguyễn Thị Bích	Thủy	18/08/1966	Đồng Nai	
1032	Phạm Thị Hương	Thủy	01/01/2000	TP.HCM	
1033	Phạm Thị Ngọc	Thủy	13/05/1995	TP.HCM	
1034	Phạm Thị Thu	Thủy	19/05/1997	Đắk Lắk	
1035	Tô Thị Bích	Thủy	19/12/1994	Cần Thơ	
1036	Vũ Thị Chung	Thủy	22/05/1984	TP.HCM	
1037	Hồ Cẩm	Thy	27/08/1995	TP.HCM	
1038	Huỳnh Nhật Xuân	Thy	23/11/1995	TP.HCM	
1039	Cao Huy	Tiên	18/12/1996	Lâm Đồng	
1040	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/08/1995	TP.HCM	
1041	Trần Thị Mỹ	Tiên	05/10/1999	Cần Thơ	
1042	Trần Thủy	Tiên	21/05/1999	TP.HCM	
1043	Đặng Anh	Tiến	22/11/1996	TP.HCM	
1044	Lê Văn	Tiến	19/08/1993	TP.HCM	
1045	Phan Phụng Đức	Tiến	08/06/1996	TP.HCM	
1046	Võ Quốc	Tiến	23/06/2000	TP.HCM	
1047	Nguyễn Bích	Tiền	31/12/1991	Cần Thơ	
1048	Chu Văn	Tiếp	30/06/1984	TP.HCM	
1049	Hồ Đức	Tin	30/04/1990	TP.HCM	
1050	Dương Quốc	Tính	20/08/1984	TP.HCM	
1051	Nguyễn Khắc	Tính	09/11/2000	TP.HCM	
1052	Trần Văn	Tính	01/01/1991	Cần Thơ	
1053	Đoàn Xuân	Tình	05/08/1980	TP.HCM	
1054	Nguyễn Văn	Tình	10/05/1981	An Giang	
1055	Phạm Ngọc	Tình	29/03/1999	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1056	Trần Văn	To	12/09/1962	Vĩnh Long	
1057	Phạm Hồng Thanh	Toán	25/06/1987	TP.HCM	
1058	Đặng Vinh Phương	Toàn	22/04/1998	Đồng Tháp	
1059	Đỗ Vi	Toàn	01/01/1982	TP.HCM	
1060	Lê Văn	Toàn	01/11/1993	TP.HCM	
1061	Nguyễn Văn	Toàn	01/01/1984	TP.HCM	
1062	Tạ Minh	Toàn	12/01/1993	TP.HCM	
1063	Trần Ngọc	Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	
1064	Trần Trung	Toàn	01/01/1992	Cần Thơ	
1065	Võ Văn	Toàn	19/01/1998	Cần Thơ	
1066	Nguyễn Thị Thu	Trà	29/11/2000	TP.HCM	
1067	Châu Thị Bích	Trâm	16/03/1994	TP.HCM	
1068	Hà Mai	Trâm	26/08/1991	TP.HCM	
1069	Lê Phan Huyền	Trâm	13/01/1997	TP.HCM	
1070	Ngô Thị Huỳnh	Trâm	03/09/1993	TP.HCM	
1071	Nguyễn Ngọc	Trâm	20/10/1991	TP.HCM	
1072	Nguyễn Ngọc	Trâm	15/06/1998	TP.HCM	
1073	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	15/02/1997	TP.HCM	
1074	Nguyễn Thị Bích	Trâm	08/05/1986	Vĩnh Long	
1075	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	31/05/1991	TP.HCM	
1076	Nguyễn Thị Phương	Trâm	26/08/1992	TP.HCM	
1077	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	09/03/1999	Đà Nẵng	
1078	Cao Ngọc Bảo	Trân	03/11/1999	Cần Thơ	
1079	Đình Hoàng Bảo	Trân	18/09/1999	TP.HCM	
1080	Hồ Diệp	Trân	17/08/1977	TP.HCM	
1081	Huỳnh Thị Bảo	Trân	07/01/1999	TP.HCM	
1082	Lê Ngô Diễm	Trân	17/10/1999	TP.HCM	
1083	Phạm Thị Bảo	Trân	16/04/1999	TP.HCM	
1084	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/08/1997	TP.HCM	
1085	Lê Cảnh Quỳnh	Trang	16/10/1999	TP.HCM	
1086	Lê Thị Huyền	Trang	08/08/2000	Tây Ninh	
1087	Lê Thị Thu	Trang	26/08/2000	TP.HCM	
1088	Mai Nguyễn Hoàng	Trang	27/02/2000	TP.HCM	
1089	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/09/1996	Đà Nẵng	
1090	Nguyễn Thị Thảo	Trang	10/11/2000	Vĩnh Long	
1091	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/11/1993	TP.HCM	
1092	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/08/1999	TP.HCM	
1093	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/03/2000	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1094	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/12/2000	TP.HCM	
1095	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/09/1987	TP.HCM	
1096	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/05/1989	Đồng Nai	
1097	Nguyễn Thị Yến	Trang	02/01/1991	TP.HCM	
1098	Nông Thu	Trang	22/12/1989	TP.HCM	
1099	Phạm Thị Thùy	Trang	21/05/1989	TP.HCM	
1100	Phạm Thị Thùy	Trang	04/08/1997	TP.HCM	
1101	Phan Thị Quỳnh	Trang	23/04/1978	TP.HCM	
1102	Tô Nguyễn Thu	Trang	06/01/1999	TP.HCM	
1103	Trần Nguyễn Thu	Trang	29/11/1998	TP.HCM	
1104	Trần Phương	Trang	22/03/2001	TP.HCM	
1105	Trần Thị Mai	Trang	26/03/1984	TP.HCM	
1106	Trần Thị Thu	Trang	10/12/1997	TP.HCM	
1107	Trần Thị Thúy	Trang	28/04/2000	Đồng Nai	
1108	Trương Thị Thùy	Trang	09/09/1998	TP.HCM	
1109	Võ Thị Xuân	Trang	01/01/1984	TP.HCM	
1110	Nguyễn Minh	Trí	26/10/1994	TP.HCM	
1111	Nguyễn Ngọc	Trí	12/01/2000	TP.HCM	
1112	Phạm Minh	Trí	14/09/1999	TP.HCM	
1113	Hoàng Thị Thủy	Triều	16/02/1999	TP.HCM	
1114	Tô Nguyễn Quốc	Triệu	14/05/1999	TP.HCM	
1115	Bùi Thị Tú	Trinh	14/01/1981	TP.HCM	
1116	Cao Ngọc Phương	Trinh	21/04/2001	Đồng Nai	
1117	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	28/05/1995	Đồng Tháp	
1118	Nguyễn Thị Thúy	Trinh	18/01/1992	TP.HCM	
1119	Nguyễn Thục	Trinh	18/05/1999	TP.HCM	
1120	Tô Thị Mỹ	Trinh	16/02/1999	TP.HCM	
1121	Lê Công	Trịnh	15/04/2000	Tây Ninh	
1122	Đặng Hoàng	Trong	26/10/1980	TP.HCM	
1123	Đinh Đức	Trọng	28/03/1994	Cần Thơ	
1124	Võ Lương Phương	Trọng	01/01/1973	Tây Ninh	
1125	Đặng Hồ Ngọc	Trúc	25/09/1999	Cần Thơ	
1126	Đỗ Nguyên Cẩm	Trúc	01/07/1994	TP.HCM	
1127	Nguyễn Thanh	Trúc	09/12/1990	Vĩnh Long	
1128	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/08/1996	TP.HCM	
1129	Tạ Quang Thạch	Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	
1130	Nguyễn Thị Minh	Trực	02/08/1998	TP.HCM	
1131	Phạm	Trực	03/12/1981	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1132	Phạm Chánh	Trực	09/11/1988	TP.HCM	
1133	Bùi Công	Trung	04/08/2000	TP.HCM	
1134	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	
1135	Lê Quang	Trung	17/05/1996	TP.HCM	
1136	Nguyễn Chí	Trung	01/04/2000	TP.HCM	
1137	Nguyễn Đình	Trung	30/10/1998	Khánh Hòa	
1138	Nguyễn Thành	Trung	01/12/1998	TP.HCM	
1139	Trần Bá Nguyên	Trung	12/08/2000	TP.HCM	
1140	Từ Lê	Trung	01/01/1997	TP.HCM	
1141	Võ Văn	Trung	11/10/1976	TP.HCM	
1142	Đào Nguyễn Minh	Trường	22/01/1993	Đắk Lắk	
1143	Huỳnh Quang	Trường	10/03/1983	TP.HCM	
1144	Nguyễn Xuân	Trường	12/06/1991	TP.HCM	
1145	Phạm Thị	Truyền	23/06/2000	TP.HCM	
1146	Hà Đông	Tú	16/02/1990	Đà Nẵng	
1147	Huỳnh Cẩm	Tú	02/01/2000	TP.HCM	
1148	Nguyễn Minh	Tú	24/09/1998	TP.HCM	
1149	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	06/04/2000	TP.HCM	
1150	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	27/12/1997	TP.HCM	
1151	Nguyễn Tuấn	Tú	16/01/1996	TP.HCM	
1152	Trần Đình	Tú	24/10/1999	Đắk Lắk	
1153	Trần Minh	Tú	08/11/1996	TP.HCM	
1154	Trần Thy Thanh	Tú	25/09/1992	An Giang	
1155	Trương Thị Cẩm	Tú	02/04/1999	Lâm Đồng	
1156	Võ Hồng	Tú	18/03/1989	TP.HCM	
1157	Bùi Văn	Tuấn	18/02/1987	Đồng Nai	
1158	Đặng Anh	Tuấn	28/08/1988	TP.HCM	
1159	Danh Thanh	Tuấn	07/01/1991	Cần Thơ	
1160	Hồ Văn Hoàng	Tuấn	18/09/1998	Cần Thơ	
1161	Hoàng Ngọc	Tuấn	25/03/1976	TP.HCM	
1162	Lê	Tuấn	18/08/1974	TP.HCM	
1163	Lê Minh	Tuấn	24/10/1998	TP.HCM	
1164	Mã Hoàng Anh	Tuấn	21/02/1996	TP.HCM	
1165	Phạm Thanh	Tuấn	22/09/2000	TP.HCM	
1166	Trần Anh	Tuấn	14/12/1991	TP.HCM	
1167	Trần Công	Tuấn	20/04/1983	Đà Nẵng	
1168	Trần Minh	Tuấn	05/01/1979	Tây Ninh	
1169	Trần Minh	Tuấn	20/06/1982	Đà Nẵng	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1170	Trịnh Quốc	Tuấn	26/09/1982	TP.HCM	
1171	Võ Quang	Tuấn	16/03/1991	TP.HCM	
1172	Đào Khả	Tuệ	11/06/2000	TP.HCM	
1173	Lê Sơn	Tùng	09/04/1978	TP.HCM	
1174	Lê Thanh	Tùng	13/08/1992	TP.HCM	
1175	Ngô Thanh	Tùng	17/12/1991	TP.HCM	
1176	Nguyễn Thanh	Tùng	17/11/1984	TP.HCM	
1177	Phạm Hoàng	Tùng	26/06/1984	TP.HCM	
1178	Trương Thị	Tuyên	26/04/1998	Khánh Hòa	
1179	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	06/09/1998	TP.HCM	
1180	Lâm Thị Kim	Tuyên	10/06/1996	Cà Mau	
1181	Lê Thị Kim Linh	Tuyên	07/03/1983	TP.HCM	
1182	Phạm Quang	Tuyên	24/10/1982	TP.HCM	
1183	Phan Minh	Tuyên	05/10/1987	Cần Thơ	
1184	Phan Thị Kim	Tuyên	20/07/1987	Cần Thơ	
1185	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	01/08/1995	TP.HCM	
1186	Trần Thị	Tuyệt	23/08/1993	TP.HCM	
1187	Trần Thị Ánh	Tuyệt	27/06/1985	TP.HCM	
1188	Trần Văn	Tỷ	03/09/1970	TP.HCM	
1189	Hồ Văn	Út	17/01/1986	Đà Nẵng	Xin thi KV P.Bắc
1190	Lâm Nữ Vân	Uy	12/09/2000	TP.HCM	
1191	Lê Châu Hoàng	Uy	30/04/2001	TP.HCM	
1192	Hoàng Phương	Uyên	19/11/1997	TP.HCM	
1193	Lê Phùng Thanh	Uyên	17/09/2000	TP.HCM	
1194	Nguyễn Mỹ Phương	Uyên	27/12/2000	Đà Nẵng	
1195	Nguyễn Ngọc Khánh	Uyên	21/08/1992	TP.HCM	
1196	Nguyễn Thị Thu	Uyên	07/07/1997	TP.HCM	
1197	Nguyễn Thị Thu	Uyên	16/01/2001	TP.HCM	
1198	Nguyễn Trần Bảo	Uyên	27/12/1993	TP.HCM	
1199	Phạm Bùi Phương	Uyên	26/11/2000	TP.HCM	
1200	Phạm Ngọc Mỹ	Uyên	06/10/1999	TP.HCM	
1201	Trần Thị Thảo	Uyên	11/04/1997	TP.HCM	
1202	Trần Yên	Uyên	18/08/1978	TP.HCM	
1203	Đinh Thị Thu	Vân	29/06/1995	TP.HCM	
1204	Huỳnh Thụy Thanh	Vân	15/04/1987	TP.HCM	
1205	Lê Thị Ngọc	Vân	23/07/2000	An Giang	
1206	Nguyễn Đức Ái	Vân	22/10/2000	TP.HCM	
1207	Nguyễn Ngọc Tuyết	Vân	20/05/1999	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1208	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	07/05/1996	TP.HCM	
1209	Nguyễn Thị Hồng	Vân	24/02/1981	Đồng Nai	
1210	Nguyễn Thị Thùy	Vân	05/10/1995	Đồng Nai	
1211	Nguyễn Thủy	Vân	19/06/1998	TP.HCM	Xin thi KV P.Bắc
1212	Trần Thị Bích	Vân	20/10/1992	Gia Lai	
1213	Cao Công	Vân	12/06/1997	TP.HCM	
1214	Lê Phạm Tú	Vân	02/01/1992	Cần Thơ	
1215	Nguyễn Thành	Vân	09/09/1967	Vĩnh Long	
1216	Mai Thị Thu	Vang	08/10/1987	TP.HCM	
1217	Vô Kim	Vẹn	17/04/1994	Cà Mau	
1218	Đào Thị Trúc	Vi	07/01/2000	TP.HCM	
1219	Hồ Gia	Vi	16/12/1999	TP.HCM	
1220	Nguyễn Thị Yên	Vi	06/02/1999	TP.HCM	
1221	Nguyễn Thị Yên	Vi	11/01/1999	TP.HCM	
1222	Nguyễn Tường	Vi	09/06/1993	TP.HCM	
1223	Thi Thoại	Vi	10/01/1992	TP.HCM	
1224	Nguyễn Nhạc	Viện	08/07/1996	TP.HCM	
1225	Trịnh Thị	Viện	14/08/1999	TP.HCM	
1226	Phan Đức	Việt	30/05/1995	TP.HCM	
1227	Trần Hoàng	Việt	26/11/2000	TP.HCM	
1228	Hà Tiến	Vinh	28/10/2001	Đà Nẵng	
1229	Lê Văn	Vinh	21/12/1984	TP.HCM	
1230	Nguyễn Cao	Vinh	14/09/1989	TP.HCM	
1231	Nguyễn Quang	Vinh	05/02/1999	TP.HCM	
1232	Ngô Đoàn Quang	Vũ	04/05/2000	TP.HCM	
1233	Nguyễn Cao Trường	Vũ	19/09/1999	TP.HCM	
1234	Nguyễn Đăng	Vũ	27/06/1999	TP.HCM	
1235	Nguyễn Lê Hoài	Vũ	28/12/1997	TP.HCM	
1236	Nguyễn Thanh	Vũ	20/10/1994	TP.HCM	
1237	Trần Ngọc	Vũ	12/07/1993	TP.HCM	
1238	Nguyễn Văn	Vương	06/09/1991	TP.HCM	
1239	Chiêu Mỹ	Vy	02/07/1993	TP.HCM	
1240	Đặng Ngọc Tường	Vy	18/10/1975	TP.HCM	
1241	Huỳnh Nguyễn Tường	Vy	23/03/2000	TP.HCM	
1242	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	14/06/1993	TP.HCM	
1243	Lê Nguyễn Tường	Vy	19/05/1994	TP.HCM	
1244	Mai Thị Tường	Vy	15/04/1990	Đà Nẵng	
1245	Ngô Thị Tiểu	Vy	16/04/1998	TP.HCM	

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn LS	Ghi chú
1246	Ngô Thị Tuyết	Vy	30/05/1998	TP.HCM	
1247	Nguyễn Chúc	Vy	02/06/1992	TP.HCM	
1248	Nguyễn Đức	Vy	10/04/1989	Tây Ninh	
1249	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	18/08/1984	Khánh Hòa	
1250	Nguyễn Thị Thúy	Vy	03/12/1999	TP.HCM	
1251	Nguyễn Thị Tường	Vy	27/02/2001	Vĩnh Long	
1252	Nguyễn Thúy	Vy	02/03/2000	TP.HCM	
1253	Phan Tuyết	Vy	01/09/1998	An Giang	
1254	Trần Thị Yến	Vy	26/12/2000	TP.HCM	
1255	Võ Vũ Thúy	Vy	28/03/2000	TP.HCM	
1256	Trần Thị Như	Ý	09/05/1995	Đà Nẵng	
1257	Nguyễn Quang Tiên	Yên	15/01/1999	TP.HCM	
1258	Châu Thị	Yến	05/01/1991	Đà Nẵng	
1259	Hoàng Thị Hồng	Yến	12/05/1999	TP.HCM	
1260	La Kim	Yến	05/10/1992	TP.HCM	
1261	Liêu Thị Hoàng	Yến	05/02/1988	TP.HCM	
1262	Nguyễn Hoàng	Yến	21/04/1999	Đồng Nai	
1263	Nguyễn Thị	Yến	29/11/2000	TP.HCM	
1264	Nguyễn Thị Kim	Yến	16/09/1994	TP.HCM	
1265	Phạm Thị Ngọc	Yến	31/12/1984	Gia Lai	
1266	Trần Thị Phi	Yến	09/03/1995	TP.HCM	
1267	Trịnh Hải	Yến	14/02/2000	TP.HCM	
1268	Trịnh Hoàng Phi	Yến	30/08/1999	TP.HCM	

**Ghi chú:** Thí sinh cần đính chính thông tin vui lòng liên hệ Ban Thư ký qua địa chỉ email: [thien.vbfhcm@gmail.com](mailto:thien.vbfhcm@gmail.com)

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM  
**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA**  
**KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

Phụ lục 4

**DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ  
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2026 KHU VỰC PHÍA NAM**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 4 /TB-HĐKT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng kiểm tra)

Stt	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Lý do không đủ điều kiện dự thi
1	Nguyễn Chí	Cường	12/18/1977	Tp. HCM	Người tập sự đã tham dự kiểm tra 3 kỳ: 2/2024, 1/2025 và 2/2025 có kết quả không đạt và chưa tập sự lại theo quy định khoản 5 Điều 15 của Thông tư số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp
2	Lê Thị Thanh	Tuyền	7/16/1993	Đồng Tháp	Luật sư hướng dẫn nhận hướng dẫn tập sự khi chưa đủ 3 năm kinh nghiệm hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Luật sư ( <i>Luật sư Nguyễn Văn Lệ được Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ Luật sư số: 18564/LS, cấp lần đầu ngày 05/09/2022, ngày 29/4/2025 nhận hướng dẫn tập sự đối với NTS Lê Thị Thanh Tuyền</i> ).
3	Đình Hoài	Thương	9/3/1993	Tp. HCM	Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra không đúng quy định của TT số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp và quy định của Hội đồng kiểm tra ( <i>Báo cáo tập sự không đúng Phụ lục số 2 ban hành kèm theo TB số 01/TB-HĐKT ngày 11/02/2026 của Hội đồng kiểm tra</i> )
4	Lê Mai Hoàng	Trung	1/21/1986	Tp. HCM	Hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra không đúng quy định của TT số 10/2021/TT-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp và quy định của Hội đồng kiểm tra ( <i>Báo cáo tập sự hành nghề Luật sư không làm theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo TB số 01/TB-HĐKT ngày 11/02/2026 của Hội đồng kiểm tra</i> )